

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tập 25, Thích Kinh Luận Bộ ,số 1511 , 3 quyển, Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh Luận, Thiên Thân Bồ Tát tạo Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chi dịch, Nguyên Huệ Việt Dịch

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỂN 1

Pháp môn: Câu nghĩa cùng thứ lớp
Thế gian không tỏ, lìa tuệ sáng
Đại trí thông đạt dạy chúng con
Quy mạng vô lượng thân công đức.
Phải nên tôn quý bậc như thế
Đầu mặt cung kính lễ nơi chân
Do hay phụng Phật, sự khó vượt
Thâu nhận chúng sinh tạo lợi ích.

* Tôi nghe như vậy:

“Một thời, Đức Bà-già-bà ngụ tại khu vườn rừng Kỳ-đà – Cấp Cô Độc thuộc thành Xá-bà-đề, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Bấy giờ, sắp đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn mặc y, cầm bát, đi vào đại thành Xá-bà-đề, theo thứ lớp khát thực xong, trở về trụ xứ thọ thực, thọ thực xong thì thâu giữ y, bát, rửa chân tay, như thường lệ, trái tọa cụ, ngồi kiết già, thân ngay ngắn an trụ, chánh niệm, chẳng động.

Lúc này, các vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng theo phía tay phải, rồi lui ra ngồi qua một bên.

Khi ấy, Huệ mạng Tu-bồ-đề, ở trong đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để trần vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, hướng về Đức Phật, chấp tay cung kính, bạch Phật: Thế Tôn! Thật là hy hữu! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã khéo hộ niệm các Bồ-tát, đã khéo phó chúc các Bồ-tát”.

* Luận nêu:

+ Khéo hộ niệm: Là dựa nơi Bồ-tát căn đã thành thực mà nói.

+ Khéo phó chúc: Là dựa vào Bồ-tát căn chưa thành thực mà nói.

Thế nào là khéo hộ niệm các Bồ-tát? Thế nào là khéo phó chúc Đại Bồ-tát?
Kệ nói:

Khéo hộ, nghĩa nên biết

Thêm thân kia đồng hành

Không thối, được chưa được

Đó gọi khéo phó chúc.

Thế nào là thêm thân kia đồng hành? Nghĩa là ở trong thân Bồ-tát cùng với sức của trí tuệ, khiến Phật pháp thành tựu.

Lại, Bồ-tát kia thâm giữ chúng sinh, cùng với diệu lực giáo hóa, đó gọi là khéo hộ niệm, nên biết.

Thế nào là không thối chuyển, được điều chưa được? Nghĩa là ở trong công đức đạt được, chưa đạt được, lo sợ bị thối thất nên giao phó cho bậc trí. Lại, được không thối chuyển, là không bỏ Đại thừa. Chưa được không thối chuyển: Là ở trong Đại thừa muốn khiến thăng tiến, đó gọi là khéo phó chúc.

* Kinh viết: “Thế Tôn! Bồ-tát ở trong Đại thừa, làm thế nào để phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng? Nên trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Làm sao hàng phục tâm mình?

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay! Như Tôn giả đã nói, Như Lai luôn khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo phó chúc các Bồ-tát. Tôn giả nay nên lắng nghe, Như Lai sẽ vì Tôn giả mà giảng nói rõ. Như Bồ-tát ở

trong Đại thừa phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, nên trụ như thế, tu hành như thế, hàng phục tâm mình như thế.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con vui thích xin được nghe.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát nên sinh tâm như vậy: Hết thảy chúng sinh hiện có, các loài thuộc về chúng sinh, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc hóa sinh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc phi có tướng, phi không tướng, Ta đều khiến họ nhập Niết-bàn vô dư mà được giải thoát. Hóa độ khiến đạt giải thoát vô lượng, vô biên chúng sinh như vậy, nhưng thật không có chúng sinh nào được giải thoát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát. Vì sao là chẳng phải? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả, thì không gọi là Bồ-tát”.

* Luận nêu: Thế nào là Bồ-tát trụ trong Đại thừa?

Hỏi đáp hiển bày nghĩa này, kệ nói:

Rộng lớn, thường, bậc nhất

Tâm ấy không điên đảo

Lợi ích, thâm tâm trụ

Thừa ấy, công đức đủ.

Kệ này nêu những nghĩa gì? Nếu Bồ-tát có 4 thứ tâm Bồ-đề tạo lợi ích sâu xa, thì đấy là Bồ-tát nơi trụ xứ Đại thừa. Vì sao? Vì thâm tâm ấy có công đức viên mãn. Vì đầy đủ nên 4 thứ lợi ích sâu xa thâm giữ tâm, sinh khởi, tức có thể trụ trong Đại thừa. Những gì là 4 thứ tâm? Đó là:

1. Rộng.

2. Bậc nhất.

3. Thường.

4. Không điên đảo.

+ Thế nào là tâm rộng, tạo lợi ích? Như kinh nói: Các Bồ-tát nên sinh tâm như vậy: Hết thấy chúng sinh hiện có, các loài thuộc chúng sinh, cho đến cảnh giới chúng sinh hiện có, thuộc về chúng sinh.

+ Thế nào là tâm bậc nhất, tạo lợi ích? Như kinh nói: Ta đều khiến nhập nơi Niết-bàn vô dư mà được giải thoát.

+ Thế nào là tâm thường, tạo lợi ích? Như kinh nói: Hóa độ, khiến đạt giải thoát vô lượng vô biên chúng sinh như thế, nhưng thật không có chúng sinh nào được giải thoát. Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát. Nghĩa này như thế nào? Bồ-tát giữ lấy hết thấy chúng sinh cũng như thân mình, do nghĩa ấy, nên tự thân của Bồ-tát diệt độ, không khác với chúng sinh được giải thoát. Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh khởi tướng chúng sinh, không sinh tướng ngã, tức không nên được gọi là Bồ-tát. Như thế, giữ lấy chúng sinh như thân mình, luôn không lìa bỏ. Đó gọi là tâm thường, tạo lợi ích.

+ Thế nào là tâm không điên đảo, tạo lợi ích? Như kinh nói: Vì sao là chẳng phải? Đây Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả, tức không gọi là Bồ-tát. Đây là hiển thị việc xa lìa chỗ nương dựa nơi tướng chúng sinh v.v... của thân kiến.

Từ đây tiếp xuống là nói về Bồ-tát ở trong Đại thừa, an trụ, tu hành, sự ấy nên nhận biết.

* Kinh viết: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí, nên ở nơi không chỗ trụ để hành bố thí. Không trụ nơi sắc để bố thí. Không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí. Bồ-tát nên bố thí như vậy: Không trụ nơi tướng, tướng. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không trụ nơi tướng để bố thí, thì số lượng phước đức có được là không thể nghĩ bàn.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Hư không ở phương Đông có thể lường tính được chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Hư không nơi các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, cùng phương trên, dưới, có thể lường tính được chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ nơi tướng để bố thí, thì số lượng phước đức có được cũng lại như thế, tức không thể lường tính.

Đức Phật lại nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Bồ-tát chỉ nên hành bố thí như vậy”.

* Luận nêu: Kệ viết:

Nghĩa thí gồm nơi sáu

Tư sinh, vô úy, pháp

Trong ấy một, hai, ba

Gọi là trụ tu hành.

Do đâu chỉ mỗi Bồ thí Ba-la-mật, gọi là nói về sáu thứ Ba-la-mật? Vì nghĩa của tất cả Ba-la-mật đều được hiển thị nơi tướng của Bồ thí Ba-la-mật. Nghĩa của hết thấy Ba-la-mật, hiện có nơi tướng của bồ thí. Tức là Bồ thí Ba-la-mật, nên biết là gồm tư sinh (Tài), vô úy và pháp. Nghĩa này là thể nào? Tư sinh tức là tên gọi về thể của một Bồ thí Ba-la-mật. Vô úy thí Ba-la-mật có 2:

1. Trì giới Ba-la-mật.

2. Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Đối với điều ác đã làm, chưa làm, không sinh sợ hãi.

Pháp thí Ba-la-mật có 3:

1. Tinh tấn Ba-la-mật.

2. Thiên định Ba-la-mật.

3. Trí tuệ Ba-la-mật.

Không mệt mỏi, khéo nhận biết về tâm, thuyết pháp như thật, đây tức là trụ tu hành của Đại Bồ-tát.

Như vừa nói ba thứ Bồ thí Ba-la-mật gồm sáu Ba-la-mật, đó gọi là trụ tu hành của Đại Bồ-tát.

Thể nào là các Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bồ thí? v.v... Kệ viết:

Tự thân cùng báo ân

Quả báo, không chấp trước

Giữ gìn, đã chẳng thí

Không cầu nơi sự khác.

+ Không trụ nơi sự: Là không chấp trước nơi tự thân.

+ Không chỗ trụ: Là không vướng mắc nơi báo ân.

+ Báo ân: Là vô số các thứ như cúng dường, cung kính v.v... Như kinh nói là không chỗ trụ.

+ Không trụ nơi sắc v.v...: Nghĩa là không chấp trước nơi quả báo. Do đâu, không nên trụ như thế để hành bố thí? Kệ nói:

Giữ gìn, đã chẳng thí

Không cầu nơi sự khác.

Nếu chấp trước nơi tự thân, là không hành bố thí. Vì nhằm giữ gìn sự ấy, nên đối với thân không chấp trước.

Nếu vướng mắc nơi báo ân, quả báo là xả bỏ Bồ-đề Phật, là theo nghĩa khác mà hành bố thí. Vì để ngăn chặn hành ấy, nên ở nơi sự không chấp trước.

Từ đây trở xuống là nói về: Bồ-tát làm thế nào để hàng phục tâm mình? Sự ấy nên biết.

Thế nào là hàng phục tâm? Gọi là hàng phục, kệ viết:

Điều phục trong sự kia

Xa lìa tâm chấp tướng

Cùng dứt vô số nghi

Cũng ngăn tâm sinh thành.

Văn này nói về nghĩa gì? Đó là không thấy có vật thí, người nhận, cùng người thí. Kệ nói:

Điều phục trong sự kia

Xa lìa tâm chấp tướng.

Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành bố thí như thế là không trụ nơi tướng, tướng.

Tiếp theo, nói về lợi ích của bố thí. Vì sao? Ở đây có nghi: Nếu lìa tướng tướng để bố thí, làm sao có thể thành phước của thí? Người kia bố thí như thế, phước ấy chuyển thêm nhiều.

Lại nói về lợi ích của bố thí. Như kinh viết: Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không trụ nơi tướng để bố thí, thì số lượng phước đức có được là không thể lường tính. Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Hư không nơi phương Đông là có thể lường tính chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! v.v...

Do đâu, sau khi nói về tu hành, tiếp theo là hiển bày lợi ích của bố thí? Là do tâm đã được hàng phục, nên tiếp đến là nói về lợi ích của bố thí. Nghĩa này là thế nào? Không trụ nơi tướng tướng để hành bố thí, là nghĩa đã thành tựu.

Từ đây trở xuống, hết thấy phần kinh là hiển thị sự việc nhằm đoạn dứt tâm sinh nghi. Vì sao sinh nghi? Vì nếu không trụ nơi pháp để hành bố thí, thì Bồ-đề của Phật, làm sao hiện hành nơi bố thí. Để đoạn dứt tâm nghi kia:

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai đã nói tướng tức là phi tướng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Phạm các tướng hiện có đều là vọng ngữ. Nếu thấy các tướng là phi tướng thì không phải vọng ngữ. Các tướng như thế là phi tướng, tức thấy Như Lai”.

* Luận nêu: Kệ viết:

Phân biệt thể hữu vi

Ngăn chỗ thành tựu được

Ba tướng khác với thể

Lìa ấy, là Như Lai.

Nghĩa này là thế nào? Nếu phân biệt về thể của hữu vi, cho Như Lai do tướng hữu vi làm đệ nhất nghĩa, nên dùng tướng thành tựu thấy Như Lai. Vì nhằm ngăn chặn, cho tướng thành tựu kia là thấy được thân Như Lai, nên như kinh viết: Không thể dùng tướng thành tựu để thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai là Pháp thân vô vi. Như kinh nói: Vì sao? Vì Như Lai đã nói tướng tức là phi tướng. Kệ nêu:

Ba tướng khác với thể

Lìa ấy, là Như Lai.

Tướng thành tựu kia tức là phi tướng thành tựu. Vì sao? Vì ba tướng khác với thể của Như Lai.

Như kinh nói: Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Phạm tướng hiện có đều là vọng ngữ. Nếu thấy các tướng là phi tướng, tức không vọng ngữ. Như thế, các tướng là phi tướng, tức thấy Như Lai.

Câu này hiển bày hữu vi là hư vọng, nên kệ nói:

Lìa ấy, là Như Lai.

Là hiển thị ba tướng của xứ kia là không, nên tướng, phi tướng đối nhau. Sinh, trụ, diệt dị biệt của xứ kia, thể của chúng không thể thủ đắc. Câu này nêu rõ thể của Như Lai không phải là hữu vi.

Bồ-tát nhận biết về Như Lai là Bồ-đề của Phật như thế để hành bố thí, tức Bồ-tát ấy không trụ nơi pháp để hành bố thí. Như vậy là thành tựu sự đoạn trừ nghi.

Từ đây tiếp xuống là Tôn giả Tu-bồ-đề sinh nghi nên hỏi.

* Kinh viết: “Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu có chúng sinh nơi đời sau cùng của đời vị lai, được nghe chương cú của kinh như thế, có thể sinh khởi thật tướng chăng?”

Đức Phật bảo: Tôn giả chớ nên nói như thế! Đức Phật lại nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Có các Đại Bồ-tát nơi đời vị lai, lúc chánh pháp sắp bị diệt, là các bậc tri giới, tu phước đức, trí tuệ, đối với chương cú của kinh này, có thể sinh khởi tâm tin tưởng, cho đây là thật, nên biết các vị Đại Bồ-tát kia, không phải đã ở trụ xứ của một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật tu

hành cúng dường. Không phải chỉ ở trụ xứ của một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật gieo trồng căn lành, mà là đã ở nơi trụ xứ của vô lượng trăm ngàn vạn chư Phật, tu hành, cúng dường, gieo trồng căn lành, được nghe kinh này, cho đến chỉ có thể sinh tịnh tín trong một niệm, này Tu-bồ-đề, Như Lai thấy đều nhận biết, thấy đều thấy rõ các chúng sinh đó. Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát kia đã sinh vô lượng tụ phước đức như thế, đã nhận lấy vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì các Bồ-tát ấy đã không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Các Bồ-tát ấy đã không có tướng của pháp, cũng không phải không có tướng của pháp, không tướng cũng phi không tướng. Vì sao? Vì các Bồ-tát này, nếu chấp giữ tướng của pháp, tức là chấp trước nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Nếu các Bồ-tát ấy còn có tướng của pháp, tức là chấp trước nơi tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Bồ-tát không nên chấp giữ pháp, không phải là không chấp giữ pháp. Do nghĩa ấy, nên Như Lai thường nói pháp môn dụ như chiếc bè, pháp hãy còn nên bỏ, hướng chi là phi pháp”.

* Luận nêu: Nghĩa ấy là thế nào? Vừa nương nơi Ba-la-mật để nói không trụ nơi sự để hành bố thí, là nói về nghĩa sâu xa của nhân. Lại dựa nơi Như Lai, thể không phải là hữu vi, là nói về nghĩa sâu xa của quả. Như thế, nơi đời vị lai xấu ác, con người không sinh tâm tin tưởng, vì sao nói là chẳng không?

Vì nhằm đoạn trừ nghi này, nên Đức Phật đáp với nghĩa ấy. Như kinh viết: Đức Phật bảo: Tôn giả chớ nên nói như thế! Cho đến: Hướng chi là phi pháp.

Nghĩa này là thế nào? Kệ viết:

Nói nhân, quả nghĩa sâu

Lúc ở đời xấu ác

Chẳng không do có thật

Bồ-tát ba đức đủ.

Nghĩa ấy như thế nào? Vào lúc đời xấu ác kia, Bồ-tát có đủ công đức, trí giới, trí tuệ, nên có thể sinh tâm tin tưởng. Do nghĩa này nên gọi là “Nói chẳng không”.

Lại, kệ nêu:

Tu giới nơi quá khứ

Cùng trồng các căn lành

Giới đủ nơi chư Phật

Cũng nói công đức đủ.

Như kinh nói: Đức Phật lại nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Nên biết là Đại Bồ-tát kia, không phải ở nơi trụ xứ của một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật, tu hành, cúng dường. Không phải chỉ ở nơi trụ xứ của một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật gieo trồng căn lành, mà đã ở nơi trụ xứ của vô lượng trăm ngàn vạn chư Phật, tu hành, cúng dường, gieo trồng căn lành.

Văn của đoạn kinh này nêu rõ các Bồ-tát đối với chư Phật quá khứ, đã có trì giới đầy đủ để cúng dường chư Phật ấy.

Cũng gieo trồng các thiện căn. Thứ lớp như thế, tức trì giới đầy đủ, thì công đức đầy đủ. Lại, kệ nêu:

Thọ mạng cùng pháp kia

Xa lìa nơi chấp tướng

Cũng nói biết tướng ấy

Dựa tám, tám nghĩa riêng.

Nghĩa này là thế nào? Lại nói về nghĩa Bát-nhã không đoạn, là nói về những nghĩa gì? Ở đây làm rõ các Bồ-tát kia lìa bỏ tướng thọ giả, lìa nơi tướng của pháp. Do đối trị tướng kia nên nói về nghĩa này. Kệ viết: Dựa tám, tám nghĩa riêng. Là dựa nơi 4 thứ tướng như thọ giả, có 4 thứ nghĩa. Dựa nơi 4 thứ tướng của pháp có 4 thứ nghĩa. Do đó, dựa nơi 8 tướng, có 8 thứ nghĩa sai biệt. Nghĩa này lại thế nào? Kệ nêu:

Tướng sai biệt nổi thể

Không đoạn đến mạng trụ

Lại hướng nơi dị đạo

Là bốn thứ tướng ngã.

Nghĩa này làm rõ về nghĩa của tướng thọ giả.

Những gì là 4 thứ tướng?

1. Tướng ngã.
2. Tướng chúng sinh.
3. Tướng mạng.
4. Tướng thọ giả.

+ Tướng ngã: Là thấy năm ấm có sai biệt, nơi mỗi mỗi ấm là ngã. Vọng chấp giữ như thế, đó gọi là tướng ngã.

+ Tướng chúng sinh: Là thấy thân nối tiếp không dứt. Đó gọi là tướng chúng sinh.

+ Tướng mạng: Là mạng căn của một báo, trụ không dứt. Đó gọi là tướng mạng.

+ Tướng thọ giả: Là mạng căn đoạn dứt, lại sinh nơi sáu đường. Đó gọi là tướng thọ giả.

Như kinh nói: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Thế nào là cùng với pháp? Kệ nêu:

Hết thấy không, không vật

Thật có, chẳng thể nói

Dựa ngôn từ mà nói

Là bốn thứ tướng pháp.

Những gì là 4 thứ?

1. Tướng của pháp.
2. Tướng của phi pháp.

3. Tướng.

4. Phi tướng.

Nghĩa này là thế nào? Có thể giữ lấy, là chủ thể giữ lấy tất cả pháp. Vì không, nên nói là không có tướng của pháp, do không vật. Pháp kia vô ngã, không thật có, nên nói cũng không phải là không có tướng của pháp. Không kia là không vật, nhưng đây không thể nói là có, không, nên nói là vô tướng. Dựa nơi ngôn từ mà nói, nên nói cũng không phải là vô tướng.

Vì sao? Vì do nơi xứ vô ngôn, dựa vào tướng ngôn thuyết mà nói. Thế nên, dựa nơi tám thứ nghĩa sai biệt, lia tám thứ tướng. Đó là lia tướng nhân, lia tướng pháp. Do đây nói có trí tuệ. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy không có tướng pháp, cũng phi không có tướng pháp, vô tướng cũng phi vô tướng, nên có trí tuệ liền đủ. Do đâu lại nói trì giới, công đức. Là hiển bày nghĩa sinh thật tướng có sai biệt.

Hiện thị như thế nào? Kệ viết:

Người kia dựa tín tâm

Cung kính sinh thật tướng

Nghe tiếng không thủ đúng

Chánh nói thủ như thế.

Nghĩa này là sao? Người kia có trì giới, công đức, dựa nơi tín tâm cung kính, có thể sinh thật tướng, do đây nên nói về nghĩa ấy. Tiếp theo nói nghe thuyết giảng về chương cú của kinh như thế, cho đến sinh tịnh tín trong một niệm, vì vậy không chỉ nói về Bát-nhã. Lại, người có trí tuệ, không như âm thanh chấp giữ lấy nghĩa. Trí tùy thuận đệ nhất nghĩa, chính là nói nên giữ lấy như thế, có thể sinh thật tướng, do đó nói về nghĩa này. Tiếp đến nói: Tu-bồ-đề! Không nên chấp giữ nơi pháp, không phải là không chấp giữ nơi pháp.

+ Không nên chấp giữ nơi pháp: Là không nên như âm thanh chấp giữ lấy pháp.

+ Không phải là không chấp giữ nơi pháp: Là trí thuận theo đệ nhất nghĩa, chính là nói nên giữ lấy như thế. Tức Bồ-tát kia nghe nói về chương cú của kinh như vậy, sinh khởi thật tướng.

Kinh lại nói: Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Như Lai đều nhận biết các chúng sinh ấy. Như Lai đều thấy rõ các chúng sinh ấy.

Ở đây là nêu rõ về nghĩa gì? Kệ nêu:

Phật không thấy quả, biết

Nguyện trí, lực hiện thấy

Câu cúng dường, cung kính

Người kia không thể nói.

Nghĩa này là thế nào?

Những người trì giới v.v... kia, chư Phật Như Lai không phải thấy quả, do so sánh để nhận biết. Làm thế nào nhận biết? Kệ nói:

Nguyện trí, lực hiện thấy.

Như Lai đều nhận biết các chúng sinh ấy là đủ. Vì sao lại nói Như Lai đều thấy rõ các chúng sinh? Nếu không nói Như Lai đều thấy rõ các chúng sinh ấy, thì có kẻ cho Như Lai do tỷ trí để nhận biết, tức e sinh tâm như vậy. Nếu thế thì chỉ nói Như Lai đều thấy rõ các chúng sinh ấy là đủ, vì sao lại nói Như Lai đều nhận biết các chúng sinh ấy? Nếu không nói Như Lai đều nhận biết các chúng sinh ấy: thì hoặc có kẻ cho là Như Lai dùng nhục nhãn v.v... để thấy. Vì để ngăn chặn điều ấy, nên đã nói như thế, tức có hai lời nói.

Lại, do đâu Như Lai nói như thế? Kệ viết:

Câu cúng dường, cung kính

Người kia không thể nói.

Nghĩa ở đây là nói, như có người muốn được cung kính, cúng dường, nên tự tán thán là có công đức như trì giới. Người kia tức không thể nói. Người ấy tự nhận biết, là chư Phật Như Lai khéo nhận biết những gì người kia có, những gì người kia đã hành. Thế nên người kia không thể tự nói.

Lại, các vị Bồ-tát ấy sinh khởi vô lượng tự phước đức như thế, nhận lấy vô lượng phước đức như thế: Nghĩa này là thế nào? Sinh là có thể sinh nhân. Nhận lấy là nghĩa huân tu quả của tự thể.

Lại, kinh nói: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát ấy, nếu chấp giữ tướng của pháp, tức là chấp trước nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nghĩa ấy như thế nào? Chỉ có vô minh, khiến phiền não thô không hiện hành, chỉ rõ không có ngã kiến.

Lại kinh viết: Do nghĩa ấy, nên Như Lai thường nói pháp môn dụ như chiếc bè, pháp hãy còn nên bỏ, hướng chi là phi pháp.

Ở đây có thứ lớp thế nào? Kệ nêu:

Chẳng trụ, tùy thuận kia

Ở trong pháp chứng trí

Như người bỏ thuyền bè

Nghĩa trong pháp cũng vậy.

Nghĩa ở đây là chỉ rõ trong pháp của Tu-đa-la, chứng đắc trí không trụ. Do chứng đắc trí nên bỏ pháp, như đi đến bờ kia thì bỏ thuyền bè.

Tùy thuận: Là thuận theo pháp của trí đã chứng, pháp ấy nên giữ lấy, như người chưa đến bờ kia phải giữ lấy bè.

Từ đây tiếp xuống là nói về những nghĩa gì? Là nhằm ngăn chặn những nghi khác. Thế nào là nghi khác?

Đã nói không thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai không phải là do tướng hữu vi mà được mang tên. Nếu như thế, vì sao Phật Thích-ca Mâu-ni chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, gọi là Phật. Vì sao thuyết pháp? Đó gọi là nghi khác. Vì để đoạn trừ nghi này, làm thế nào đoạn?

* Kinh viết: “Lại nữa, Đức Phật bảo: Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? Như Lai có thuyết pháp chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu nghĩa của Phật đã giảng nói, thì không có pháp cố định để Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng không có pháp cố định để Như Lai có thể thuyết giảng. Vì sao? Vì pháp do Như Lai thuyết giảng đều không thể nhận lấy, không thể nêu bày, phi pháp, phi phi pháp. Vì sao? Vì tất cả Thánh nhân đều do pháp vô vi mà được mang tên”.

* Luận nêu: Do nghĩa ấy, nên Phật Thích-ca Mâu-ni không phải là Phật, cũng không thuyết pháp. Nghĩa ấy là thế nào? Kệ viết:

Ứng, hóa phi chân Phật

Cũng không phải thuyết pháp

Thuyết pháp, lấy không hai

Không thuyết, lia ngôn tướng.

Nghĩa này nói, Phật có 3 loại:

1. Phật Pháp thân.
2. Phật báo thân.
3. Phật hóa thân.

Lại, Thích-ca Mâu-ni gọi là Phật: Đây là Phật hóa thân. Phật ấy không chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng không thuyết pháp. Như kinh viết: Không có pháp cố định để Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng không có pháp cố định để Như Lai có thể thuyết giảng.

Nếu thế, thì vì sao kinh nói: Vì sao? Vì pháp do Như Lai giảng nói đều không thể giữ lấy, không thể nêu bày v.v... Có người nói lời hủy báng: Như Lai hoàn toàn không thuyết pháp. Vì nhằm ngăn chặn điều ấy, kệ nói:

Ứng, hóa không chân Phật

Cũng không phải thuyết pháp

Thuyết pháp, lấy không hai

Không thuyết, lia ngôn tướng.

+ Nghe: Là không chấp giữ pháp, không chấp giữ phi pháp.

+ Thuyết: Là cũng không hai: thuyết pháp, phi pháp. Vì sao? Vì pháp kia là phi pháp, phi phi pháp. Dựa nơi nghĩa nào để nói? Dựa nơi nghĩa chân như để nói.

+ Phi pháp: Là tất cả pháp không thể tướng.

+ Phi phi pháp: Là tướng vô ngã thật có của chân như.

Do đâu chỉ nói thuyết, không nói chứng?

Có ngôn thuyết: Tức là nghĩa thành chứng. Nếu không chứng thì không thể thuyết. Như kinh nói: Vì sao? Vì tất cả Thánh nhân đều do pháp vô vi mà được mang tên. Câu này nêu rõ về nghĩa gì? Tức pháp kia là nói về nhân. Vì sao? Vì tất cả Thánh nhân dựa nơi pháp chân như thanh tịnh mà được mang tên, tức do pháp vô vi mà được mang tên là do nghĩa ấy. Lại do nghĩa nào, như pháp do Thánh nhân chứng đắc, là không thể thuyết giảng như thế, huống chi là chấp giữ. Vì sao? Vì pháp kia xa lìa tướng ngôn ngữ, không phải là sự có thể nêu bày.

Do đâu không chỉ nói Phật, mà nói tất cả Thánh nhân? Là do tất cả Thánh nhân đều dựa nơi chân như thanh tịnh mà được mang tên. Như vậy là thanh tịnh đầy đủ, như thanh tịnh phần.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu dùng bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì thiện nam, thiện nữ ấy có được phước đức nên cho là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều, bạch Đức Thiện Thế! Các thiện nam, thiện nữ ấy, bố thí như thế là được phước rất nhiều. Vì sao? Thế Tôn! Vì tự phước đức ấy tức phi tự phước đức, thế nên Như Lai nói là tự phước đức.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu lại có người, ở trong kinh này thọ trì, đọc tụng, cho đến chỉ bốn câu kệ, vì kẻ khác thuyết giảng, thì phước đức này hơn hẳn phước đức trước vô lượng, không thể tính kể. Vì sao? Vì pháp nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của tất cả chư Phật, đều từ kinh này xuất hiện. Hết thấy chư Phật, Như Lai đều từ kinh này sinh ra. Này Tu-bồ-đề! Gọi là Phật pháp, Phật pháp ấy tức phi Phật pháp, đó gọi là Phật pháp”.

* Luận nêu: Ở đây nêu thí dụ để đối chiếu về phước đức thù thắng, hiển thị nghĩa gì? Pháp tuy không thể giữ lấy, không thể nêu bày, nhưng chẳng không. Kệ nêu:

Thọ trì pháp cùng thuyết

Chẳng không nơi phước đức

Phước không hướng Bồ-đề

Hai hay hướng giác ngộ.

Do đâu nói: Thế Tôn! Tụ phước đức ấy tức phi tụ phước đức: Như kệ nêu:

Phước không hướng Bồ-đề

Hai hay hướng giác ngộ.

Nghĩa này nêu bày điều gì? Phước đức kia không hướng tới Đại Bồ-đề. Hai thứ có thể hướng tới Đại Bồ-đề. Đó là:

1. Thọ trì.
2. Diễn nói.

Như kinh viết: Thọ trì, cho đến chỉ bốn câu kệ, vì kẻ khác giảng nói.

Vì sao gọi là tụ phước đức? Nghĩa của tụ có 2 thứ:

1. Nghĩa tích tụ.
2. Nghĩa tiến tới.

Như người gánh vác nặng gọi là tụ. Như thế, số lượng phước đức kia do có nghĩa tích tụ, nên gọi là tụ. Đối với Bồ-đề không thể tiến tới, nên gọi là phi tụ phước đức. Hai thứ ấy có thể hướng tới Đại Bồ-đề, thế nên ở trong phước đức kia, thì phước này là hơn hết.

Vì sao hai thứ ấy có thể đạt được Đại Bồ-đề? Như kinh nói: Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Hết thấy pháp nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của chư Phật, đều từ kinh này xuất hiện. Tất cả chư Phật, Như Lai đều từ kinh này sinh ra.

Vì sao nói: Pháp Bồ-đề của tất cả chư Phật đều từ kinh này xuất hiện? Vì sao nói hết thấy chư Phật Như Lai đều từ kinh này sinh ra? Kệ nêu:

Nơi thật gọi liễu nhân

Cũng là sinh nhân khác

Chỉ riêng pháp chư Phật

Phước thành thể bậc nhất.

Nghĩa ấy là thế nào?

Bồ-đề gọi là Pháp thân. Thể ấy thật là vô vi. Thế nên đối với Pháp thân kia, hai thứ ấy có thể làm liễu nhân, không thể làm sinh nhân. Phần khác là: Phật thọ báo tướng tốt trang nghiêm, Phật hóa thân tướng tốt. Đối với đây làm sinh nhân. Do có thể tạo nhân của Bồ-đề, vì vậy gọi là nhân, hiển bày trong phước đức kia, phước này là thù thắng. Như kinh viết: Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! cho đến: Đều từ kinh này sinh ra.

Thế nào là thành tựu nghĩa ấy? Kệ nói:

Chỉ riêng pháp chư Phật

Phước thành thể bậc nhất.

Tu-bồ-đề! Gọi là Phật pháp, Phật pháp ấy tức phi Phật pháp: Pháp của chư Phật kia, người khác không đạt được, thế nên pháp của Phật ấy gọi là Phật pháp. Vì vậy nói: Chỉ riêng pháp chư Phật. Bậc nhất là nghĩa không chung, do có thể tạo nhân của pháp bậc nhất, vì vậy trong phước đức kia, phước này là hơn hẳn. Như thế là thành tựu nhiều phước đức.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm: Ta chứng đắc quả Tu-đà-hoàn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là Tu-đà-hoàn. Không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị Tu-đà-hàm có thể khởi niệm: Ta chứng đắc quả Tu-đà-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là Tu-đà-hàm. Đó gọi là Tu-đà-hàm.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị A-na-hàm có thể khởi niệm: Ta chứng đắc quả A-na-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-na-hàm. Đó gọi là A-na-hàm.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị A-la-hán có thể khởi niệm: Ta chứng đắc quả A-la-hán chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-la-hán. Thế Tôn! Nếu vị A-

la-hán dấy khởi niệm: Ta chứng đắc A-la-hán, tức là chấp trước nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con đạt được Tam-muội vô tránh là bậc nhất, hơn hết. Thế Tôn! Phật nói con là vị A-la-hán lìa dục nhưng con không khởi niệm: Ta là A-la-hán lìa dục. Thế Tôn! Nếu con khởi niệm như thế thì Đức Thế Tôn không nói con là người hành “không tranh” bậc nhất. Do Tu-bồ-đề thật sự không chỗ hành, nên gọi Tu-bồ-đề là người hành không tranh, không tranh”.

* Luận nêu: Đã nói Thánh nhân, do pháp vô vi nên được mang tên. Vì nghĩa ấy, nên pháp kia không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Nếu các Thánh nhân như Tu-đà-hoàn v.v..., giữ lấy nơi quả của mình, thì vì sao nói pháp kia không thể giữ lấy? Đã như chứng, như thuyết, làm sao thành không thể nêu bày? Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm đoạn trừ nghi ấy, để xác nhận pháp kia là không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Kệ viết:

Không thể giữ lấy, nói

Tự quả không giữ lấy

Dựa nơi Thiện Cát kia

Nói lìa hai thứ chướng.

Ở đây nghĩa nêu về điều gì? Vì Thánh nhân do nơi pháp vô vi nên được gọi là Thánh nhân, thế nên không giữ lấy một pháp nào. Không giữ lấy là không giữ lấy cảnh giới của sáu trần. Do nghĩa ấy nên gọi là không giữ lấy.

Nghịch lưu: Là như kinh nói: Không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi là Tu-đà-hoàn. Cho đến A-la-hán cũng không giữ lấy một pháp. Do ý nghĩa ấy nên gọi là A-la-hán.

Nhưng Thánh nhân không phải là không giữ lấy pháp vô vi, do nhận lấy tự quả. Nếu Thánh nhân khởi tâm như vậy: Ta có thể chứng đắc quả, tức là chấp trước nơi ngã v.v...: Nghĩa này là thế nào? Đây là do có phiền não sai khiến, không phải là hành phiền não. Vì sao? Vì các vị kia vào lúc chứng quả đã lìa phiền não như chấp giữ ngã v.v..., do đây không có khởi tâm như vậy: Ta có thể chứng đắc quả.

Do đâu Tôn giả Tu-bồ-đề tự tán thán về thân được thọ ký? Là do tự thân chứng quả, vì ở trong nghĩa ấy sinh tâm tin tưởng.

Do đâu chỉ nói hành không tranh? Là vì để nêu rõ về công đức thù thắng. Vì sinh khởi tin tưởng sâu xa.

Do đâu nói: Vì Tu-bồ-đề thật không chỗ hành, nên gọi Tu-bồ-đề là người hành không tranh, không tranh. Kệ viết:

Dựa nơi Thiện Cát kia

Nói lia hai thứ chướng.

Hai thứ chướng là:

1. Phiền não chướng.

2. Tam-muội chướng.

Lìa hai thứ chướng ấy, nên nói là “Không chỗ hành”. Do nghĩa này nên gọi hai thứ chướng được lìa là hành không tranh, không tranh.

* Kinh viết: “Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai, về thời xa xưa, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng đã đắc pháp của đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật sự không chỗ đắc nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng”.

* Luận nêu: Lại có nghi: Như Lai Thích-ca thời xa xưa, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng thọ nhận pháp, Đức Phật Nhiên Đăng đã vì Như Lai Thích-ca thuyết giảng pháp. Nếu như thế, vì sao pháp kia là không thể nói, không thể giữ lấy? Vì nhằm đoạn trừ nghi ấy, nên nói tại trụ xứ của Đức Phật kia, không có pháp để có thể nhận lấy. Như kinh nói: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật sự không chỗ đắc nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Do đâu nói như thế? Kệ nêu:

Phật nơi lời Nhiên Đăng

Không thủ lý thật trí

Do nghĩa chân thật ấy

Thành không thủ thuyết kia.

Nghĩa đây là thế nào?

Như Lai Thích-ca, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đối với ngôn ngữ đã thuyết giảng là không “thủ chúng” pháp. Vì nghĩa này nên hiển bày trí chứng kia là không thể nêu, không thể giữ lấy. Kệ viết:

Do nghĩa chân thật ấy

Thành không thủ thuyết kia.

Lại, nếu Thánh nhân do pháp vô vi mà được mang tên, tức pháp này không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Vì sao các Bồ-tát nhận lấy việc làm nghiêm tịnh quốc độ của Phật? Vì sao Phật thọ nhận lạc báo là giữ lấy thân Pháp vương của mình? Vì sao nơi thế gian khác lại giữ lấy thân Pháp vương kia? Phần văn kinh từ đây tiếp xuống là nhằm đoạn trừ nghi đó.

* Kinh viết: “Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nói: Ta làm trang nghiêm quốc độ của Phật, thì Bồ-tát ấy nói không thật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai đã nói, làm trang nghiêm cõi Phật tức phi làm trang nghiêm, đó gọi là làm trang nghiêm cõi Phật. Do đó, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh tâm thanh tịnh như vậy: Nên không chỗ trụ. Không trụ nơi sắc để sinh tâm. Không trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm. Nên không chỗ trụ mà sinh tâm.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di. Ý của Tôn giả thế nào? Thân ấy là lớn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất lớn, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì Đức Phật nói phi thân, đó gọi là thân lớn. Thân ấy là phi thân, đó gọi là thân lớn”.

* Luận nêu: Nghĩa ấy nên nhận biết như thế nào? Kệ viết:

Chỉ trí, hành biết, thông

Như thế giữ cõi tịnh

Thế bậc nhất không hình

Ý trang nghiêm, không nghiêm.

Nghĩa này là nói về: Chư Phật không có sự việc làm trang nghiêm quốc độ. Chỉ là trí tuệ chân thật của chư Phật, Như Lai hành tập, nhận biết, thông đạt.

Thế nên cõi kia không thể giữ lấy. Nếu người chấp giữ hình tướng của cõi nước ấy, nói là Ta đã thành tựu việc làm thanh tịnh cõi Phật, thì người đó nói không thật.

Như kinh nói: Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Lai nói làm trang nghiêm cõi Phật tức phi làm trang nghiêm, đó gọi là làm trang nghiêm cõi Phật. Do đâu nói như thế? Kệ nêu:

Thê bậc nhất không hình

Ý trang nghiêm, không nghiêm.

Trang nghiêm có 2 thứ:

1. Hình tướng.
2. Đệ nhất nghĩa tướng.

Do đó nói phi trang nghiêm là trang nghiêm.

Lại, phi trang nghiêm cõi Phật: Tức không có hình tướng nên là phi trang nghiêm, như vậy không trang nghiêm tức là trang nghiêm bậc nhất. Vì sao? Vì do tất cả công đức về trang nghiêm đã thành tựu. Nếu có Bồ-tát phân biệt quốc độ Phật là hình tướng hữu vi, nói là Ta đã thành tựu việc làm thanh tịnh quốc độ của Phật, thì Bồ-tát ấy đã trụ trong cảnh giới của sắc v.v... để sinh tâm như thế. Vì nhằm ngăn chặn điều ấy, nên kinh nói: Do đây, đây Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh khởi tâm thanh tịnh như vậy: Không trụ nơi sắc để sinh tâm. Không trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm. Nên không chỗ trụ để sinh tâm.

Trước nói: Vì sao Phật thọ nhận lạc báo, đã giữ lấy thân Pháp vương của mình? Vì sao nơi thế gian khác lại giữ lấy thân Pháp vương kia? Để trừ bỏ nghi này, nên nói nghĩa Phật thọ nhận lạc báo, thể đồng với cảnh tượng của núi chúa Tu-di kia. Kệ nêu:

Như núi chúa không chấp

Thọ báo cũng như thế

Xa lìa nơi các lậu

Và các pháp hữu vi.

Nghĩa ấy là thế nào?

Như núi chúa Tu-di, uy lực cao xa, nên gọi là lớn, nhưng không chấp giữ thể của núi chúa ấy, cho Ta là núi chúa, do không phân biệt. Phật thọ nhận lạc báo cũng như vậy. Vì đạt được thể của Pháp vương vô thượng, nên gọi là lớn, nhưng không chấp giữ nơi thể của Pháp vương kia, cho mình là Pháp vương, do không còn phân biệt. Do đâu không phân biệt? Như kinh viết: Vì sao? Vì Phật nói phi thân, đó gọi là thân lớn. Thân ấy tức phi thân, đó gọi là thân lớn.

Vì sao nói như thế? Kệ nêu:

Xa lìa nơi các lậu

Và các pháp hữu vi.

Nên Đức Phật thọ nhận lạc báo kia, thể lìa nơi các lậu.

Nếu như vậy tức không có vật. Hoặc như vậy tức gọi là có vật. Do chỉ có thân thanh tịnh. Do đã xa lìa pháp hữu vi. Vì nghĩa ấy, nên thật có thể của ngã, do không dựa vào duyên khác để trụ.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.
Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.

QUYỂN 2

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Như số lượng cát hiện có nơi sông Hằng, như vậy số lượng sông Hằng bằng với số lượng cát ấy. Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng cát của những con sông Hằng đó nên cho là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất là nhiều, bạch Đức Thế Tôn!. Chỉ mỗi các con sông Hằng hãy còn là nhiều vô số, huống chi là số lượng cát của chúng.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Như Lai nay dùng lời nói thật để nói với Tôn giả: Nếu có thiện nam, thiện nữ, dùng bảy thứ báu đầy khắp trong vô số thế giới nhiều như số lượng cát sông Hằng đã nêu, để dâng thí cho chư Phật, Như Lai. Theo ý của Tôn giả nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ kia được phước nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ ấy đạt được phước là rất nhiều.

Đức Phật nói: Nếu lại có thiện nam, thiện nữ, đối với pháp môn này, cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ, vì kẻ khác thuyết giảng, thì phước đức của các thiện nam, thiện nữ này có được, nhiều hơn phước đức trước vô lượng A-tăng-kỳ”.

* Luận nêu: Trước đã nói thí dụ về phước đức nhiều. Do đâu ở đây lại nói nữa? Kệ viết:

Nói nhiều, nghĩa sai biệt

Cũng đối chiếu thành hơn

Phước sau vượt nơi trước

Nên lại nói dụ hơn.

Nghĩa này là thế nào?

Trước nói thí dụ về Tam thiên đại thiên thế giới là nêu rõ về phước đức nhiều. Nay lại nói về vô lượng Tam thiên đại thiên thế giới. Do đâu trước không nói như dụ này? Là do hóa độ chúng sinh dần dần, khiến sinh tâm tin tưởng nơi nghĩa thượng diệu. Lại, trước chưa hiển bày vì những công đức thù thắng gì có thể đạt được Đại Bồ-đề. Do dụ này đã xác nhận công đức kia. Thế nên lại nói dụ hơn trước.

* Kinh viết: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy theo nơi chốn hiện có thuyết giảng pháp môn này, cho đến chỉ bốn câu kệ. Nên biết nơi chốn ấy, tất cả hàng trời, người, A-tu-la của thế gian đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật. Huống chi là có người có thể thọ trì, đọc tụng toàn bộ kinh ấy. Này Tu-bồ-đề! Nên biết người đó đã thành tựu pháp hy hữu bậc nhất, tối thượng. Nếu kinh điển này hiện có nơi xứ nào, tức là có Phật, nên tôn quý như Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, và chúng con phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Pháp môn này gọi là Kim Cương Bát Nhã Ba-la-mật. Theo tên gọi như thế, các vị nên phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai nói Bát-nhã Ba-la-mật, tức phi Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thuyết pháp chăng? Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Như Lai không có thuyết pháp.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Số lượng vi trần ấy là rất nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Các vi trần ấy, Như Lai nói là phi vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới tức là phi thế giới, đó gọi là thế giới.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân tức là phi tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân”.

* Luận nêu: Làm thế nào xác nhận phước ấy là thù thắng? Kệ viết:

Tôn trọng nơi hai xứ

Nhân tập chứng thể lớn

Nhân ấy tập phiền não

Hàng phục này phước nhiễm.

Nghĩa ấy là thế nào?

Tôn trọng nơi 2 xứ. Hai xứ là:

1. Xứ là nơi chốn thuyết giảng: Tùy theo những nơi chốn nào thuyết giảng kinh này, khiến sinh tương kỳ diệu, tôn trọng.
2. Người có thể thuyết giảng: Tùy theo những người nào có thể thọ trì cùng giảng nói.

Do tôn trọng kinh luận, nên không phải bầy thứ báu sánh bằng. Tùy theo nơi chốn nào xả bỏ, tùy theo người nào có thể xả bỏ. Như thế sinh kính trọng. Pháp môn này cùng làm nhân thù thắng cho pháp của tất cả chư Phật, Như

Lai chứng đắc. Như kinh viết: Tu-bồ-đề thưa: Như Lai không có thuyết pháp.

Nghĩa ở đây là thế nào? Không có một pháp nào chỉ riêng mỗi Như Lai thuyết giảng, còn các vị Phật khác không thuyết giảng.

Phước đức có được do bố thí châu báu kia là nhân của phiền não nhiễm, do có thể tạo thành các sự việc phiền não. Còn nhân này hiển bày việc xa lìa nhân phiền não, thế nên nói dụ về vi trần của đất. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Các vi trần ấy, Như Lai nói là phi vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới là phi thế giới, đó gọi là thế giới.

Do đâu nói như thế? Vi trần ấy không phải là thể của phiền não như tham v.v... Do nghĩa đó, nên gọi là vi trần của đất. Thế giới ấy không phải là cảnh giới của nhân phiền não nhiễm, do vậy nên gọi là thế giới. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Phước đức kia là nhân nhiễm trần của phiền não, vì thế, nơi bên ngoài không ghi nhận về trần cảnh. Phước đức kia so với thiện căn là gần, huống chi phước đức này có thể thành tựu Bồ-đề Phật, cùng thành tựu tướng đại trượng phu, tức trong phước đức là hơn hết. Thế nên, thọ trì, diễn nói pháp môn này có thể thành tựu Bồ-đề Phật, hơn hẳn phước đức kia. Vì sao? Vì tướng ấy đối với Bồ-đề Phật là phi tướng, vì thân ấy là phi Pháp thân, do đó nói là tướng đại trượng phu. Do tướng ấy, nên phước đức có được từ việc thọ trì cùng giảng nói pháp môn này, có thể thành tựu được Bồ-đề Phật. Vì vậy nói phước đức kia không hơn.

Lại, phước đức kia có thể hàng phục phước đức có từ châu báu, huống chi là phước đức này vốn có thể hàng phục. Vì vậy, phước đức này là tối thắng. Như thế, trong phước đức như bố thí v.v..., thì phước đức này là hơn hết, đã thành tựu như vậy.

* Kinh viết: “Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa số để bố thí. Nếu lại có người, ở trong pháp môn này, cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ, vì người khác giảng nói, thì phước đức có được nhiều hơn trường hợp trước là vô lượng, vô số.

Bây giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề, nghe Đức Phật giảng nói về chỗ thâm diệu của kinh này, lãnh hội được nghĩa lý sâu xa, nên cảm động rơi nước mắt, gạt lệ bạch Phật: Thật là hy hữu, bạch Đức Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Đức Thiện Thệ! Đức Phật đã thuyết giảng pháp môn thâm diệu như vậy. Con từ trước đến giờ, tuy đã được tuệ nhãn, nhưng chưa từng được nghe pháp môn như thế. Vì sao? Vì Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật, tức phi Bát-nhã Ba-la-mật.

Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, khởi tín tâm thanh tịnh, tức sinh thật tướng, nên biết người ấy đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất.

Thế Tôn! Thật tướng ấy tức là phi thật tướng, thế nên Như Lai nói là thật tướng, thật tướng.

Thế Tôn! Con nay được nghe pháp môn như thế, tin hiểu, thọ trì, không đủ cho là khó. Nếu vào đời vị lai, có các chúng sinh được nghe pháp môn này, tin hiểu, thọ trì, người ấy tức là hy hữu bậc nhất. Vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì tướng ngã tức là phi tướng. Tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức là phi tướng. Vì lia tất cả các tướng tức gọi là chư Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu lại có người được nghe kinh này, không hoảng, không sợ, không hãi, nên biết người ấy hết sức là hy hữu. Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất, tức phi Ba-la-mật bậc nhất. Như Lai giảng nói Ba-la-mật bậc nhất, thì vô lượng chư Phật cũng giảng nói Ba-la-mật bậc nhất, đó gọi là Ba-la-mật bậc nhất”.

* Luận nêu: Từ đây tiếp xuống, văn kinh nêu rõ lần nữa, trong phước đức kia, thì phước này càng thù thắng.

Nghĩa ấy như thế nào? Kệ viết:

Thân khổ hơn nơi kia

Nghĩa hy hữu cùng trên

Trí kia, bờ khó lường

Cũng không đồng pháp khác.

Hiểu chắc thật nghĩa sâu

Hơn hẳn các kinh khác

Nhân lớn cùng thanh tịnh

Phước đức hơn trong phước.

Hai kệ này nói về nghĩa gì? Xả bỏ thân mạng quan trọng hơn so với xả bỏ tài sản, châu báu. Các thiện nam, thiện nữ ấy đã xả bỏ vô lượng thân mạng như thế, về phước đức của quả báo thì phước đức này hơn hẳn phước đức kia. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ xả bỏ thân mạng, khiến thân tâm khổ, huống chi là vì pháp mà xả bỏ, luôn suy niệm về thân khổ kia. Huệ mạng Tu-bồ-đề tôn trọng pháp nên bù ngùi rơi nước mắt. Như kinh nói: Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nghe Đức Phật giảng nói về chỗ thâm diệu của kinh ấy, lãnh hội được nghĩa lý sâu xa nên cảm động rơi nước mắt. Tức pháp môn này là hy hữu. Vì sao? Vì như Tôn giả Tu-bồ-đề tuy đã có mắt trí, nhưng từ trước tới nay chưa từng được nghe, do đó là hy hữu, như kinh đã nêu rõ.

Lại, pháp môn này là bậc nhất, do giảng nói về Bát-nhã Ba-la-mật. Ở đây, do đâu đã thành tựu nghĩa trên? Như kinh viết: Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Vì Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật, tức phi Bát-nhã Ba-la-mật.

Do đâu nói như vậy? Vì trí ấy là trí Ba-la-mật nên không người nào có thể lường xét nổi, thế nên nói là phi Ba-la-mật. Lại, pháp môn này là không đồng. Vì sao? Vì ở đây có thật tướng, các thứ khác không phải là thật tướng. Trừ Phật pháp, các xứ khác đều không thật. Do xứ kia chưa từng có, chưa từng sinh tin tưởng. Vì nghĩa ấy, như kinh nói: Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, khởi tâm tin tưởng thanh tịnh, tức sinh thật tướng, nên biết người ấy đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất.

Lại, pháp môn này thâm diệu, chắc thật. Vì sao? Vì người thọ trì kinh này, suy xét tu tập, tức không còn khởi các tướng ngã v.v...

Lại, không dấy khởi tướng ngã v.v...: Là chỉ rõ có thể nhận lấy tướng không điên đảo của cảnh giới.

Tướng ngã v.v..., tức là phi tướng: Là chỉ rõ chủ thể nhận lấy có thể giữ lấy tướng không điên đảo của cảnh giới. Hai thứ trí vô ngã ấy là làm rõ về ngã không, pháp khiến. Thứ lớp như thế, như nơi kinh viết: Vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã tức là phi tướng. Tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức là phi tướng. Vì lia tất cả các tướng ấy tức gọi là chư Phật.

Đức Như Lai đã vì Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết giảng về nghĩa như vậy.

+ Hoảng: Nghĩa là không phải xứ, sinh lo sợ, thế nên gọi là hoảng (kinh), do có thể trách cứ, như đi không đúng đường.

+ Sợ (Bố): Là thể của tâm lo sợ, do khởi tâm không thể đoạn trừ nghi.

+ Hãi (Úy): Là hoàn toàn sợ, tâm ấy toàn bộ rơi vào sự hoảng sợ, nên xa lìa xứ kia. Như kinh nêu: Không hoảng, không sợ, không hãi.

Lại, pháp môn này hơn hẳn các kinh khác. Như kinh nói: Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất tức phi Ba-la-mật bậc nhất.

Lại, pháp môn này gọi là nhân lớn. Như kinh nói: Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất.

Lại, pháp môn này gọi là thanh tịnh, do vô lượng chư Phật đã thuyết giảng. Như kinh viết: Vô lượng chư Phật cũng thuyết giảng Ba-la-mật. Đó gọi là Ba-la-mật bậc nhất.

Bồ thí bằng châu báu không có các công đức như thế, do đó so với phước đức kia, phước đức này là hơn. Đã thành tựu như vậy.

Từ đây trở xuống, phần văn của kinh lại nhằm đoạn trừ nghi. Nghi như thế nào? Vừa nói về trường hợp xả bỏ thân mạng để bồ thí, nhưng phước báo có được là kém. Như thế, dựa nơi pháp môn này, thọ trì, diễn nói, so với các Bồ-tát hành khổ hạnh thì khổ hạnh ấy cũng là quả khổ. Vì sao ở nơi pháp môn này không thành quả khổ? Vì nhằm đoạn trừ nghe, nên kinh nêu bày.

* Kinh viết: “Đây Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhân nhục Ba-la-mật tức phi Nhân nhục Ba-la-mật. Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Ta, về thời xa xưa, bị vua Ca-lợi cắt chặt thân thể. Bây giờ, Ta không có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, vô tướng cũng phi vô tướng. Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Vì như Ta vào lúc các chi phần nơi thân thể của mình bị cắt, chặt như thế, nếu có khởi các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức nên sinh giận dữ.

Này Tu-bồ-đề! Ta lại nhớ nghĩ về quá khứ, nơi năm trăm đời làm Tiên nhân nhân nhục, thì trong từng ấy đời, đều không có các tướng kể trên. Do đó, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng để phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì nếu tâm có trụ tức là phi trụ. Không nên trụ nơi sắc để sinh tâm. Không nên trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm. Nên ở nơi không chỗ trụ để sinh tâm. Vì vậy Phật nói Bồ-tát, tâm không trụ nơi sắc để bồ thí. Đây Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hành bồ thí như thế. Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Tướng của tất cả chúng sinh tức là phi tướng. Vì sao? Vì Như Lai nói tất cả chúng sinh tức phi chúng sinh”.

* Luận nêu: Đây là chỉ rõ về nghĩa gì? Kệ viết:

Hay nhẫn nơi hành khổ

Do hành khổ có thiện

Phước kia không thể lường

Nghĩa tối thắng như thế.

Lìa ngã cùng tướng giận

Thật không nơi khổ nào

Cùng vui có từ bi

Quả hành khổ như vậy.

Hai kệ ấy nói về nghĩa gì?

Tuy hành khổ đó đồng nơi quả khổ, nhưng hành khổ này không mệt nhọc, do có Nhẫn nhục Ba-la-mật gọi là bậc nhất.

Bờ giải thoát có 2 thứ nghĩa:

1. Thể của Ba-la-mật là thiện căn thanh tịnh.
2. Công đức của bờ giải thoát là không thể lường. Như kinh nói: Tức phi Ba-la-mật.

Phi Ba-la-mật: Là không người nhận biết về công đức của bờ giải thoát, nên nói là phi Ba-la-mật. Do đây, vì chúng đặc pháp đệ nhất, hành khổ ấy hơn hẳn việc xả bỏ thân mạng, hưởng chi lại lìa tướng ngã, tướng giận dữ.

Lại, hành này không khổ, không chỉ không khổ mà còn có lạc, do có từ bi. Như kinh nói: Ta bây giờ không có tướng ngã, cho đến: Vô tướng cũng lại phi tướng: Đây là nêu rõ về tâm từ bi tương ưng, nên nói như vậy.

Nếu có Bồ-tát không lìa tướng ngã, thì Bồ-tát ấy thấy khổ, hành khổ, cũng muốn xả bỏ tâm Bồ-đề. Vì điều ấy nên nói như kinh: Do đây, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng v.v... Đây là làm rõ về nghĩa gì? Vì chưa sinh tâm Bồ-đề bậc nhất tức có lỗi lầm như thế. Để ngăn chặn lỗi lầm ấy, kệ nêu:

Vì không bỏ tâm khởi

Tu hành cùng kiên cố

Vì nhãn Ba-la-mật

Tâm hành tập hay học.

Nghĩa ấy là thế nào? Vì những tâm gì khởi hành tướng để tu tập? Là những tâm gì không xả bỏ tướng? Kệ nói:

Vì nhãn Ba-la-mật

Tâm hành tập hay học.

Lại, tâm đệ nhất nghĩa: Là đã nhập địa thứ nhất, đạt Nhãn nhục Ba-la-mật. Đây gọi là tâm không trụ, nên kinh viết: Vì vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên liả tất cả tướng để phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì hiển thị nghĩa không trụ để sinh tâm. Nếu tâm trụ nơi các pháp như sắc v.v..., thì tâm kia không trụ nơi Bồ-đề Phật. Đây là làm rõ về tâm không trụ để hành bố thí. Đoạn văn kinh này nói về tâm không trụ để khởi phương tiện hành, do Bố thí Ba-la-mật gồm sáu Ba-la-mật.

Thế nào là tu tập, tạo lợi ích cho chúng sinh, nhưng không gọi là trụ nơi sự việc của chúng sinh? Vì để đoạn trừ nghi ấy, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hành bố thí như thế. Đây là nêu rõ về nghĩa nào? Kệ viết:

Tu hành lợi chúng sinh

Nhân như thế nên biết

Chúng sinh cùng sự tướng

Cũng nên biết xa lìa.

Nghĩa này là thế nào? Tạo lợi ích là thể của nhân, nên Bồ-tát tu tập, tạo lợi ích cho chúng sinh, không phải là giữ lấy sự tướng của chúng sinh. Thế nào là sự của chúng sinh? Kệ nêu:

Giả danh cùng sự ám

Như Lai lia tướng ấy

Chư Phật đều không hai

Do thấy rõ pháp thật.

Đây là nói về nghĩa gì? Gọi là tướng chúng sinh cùng sự của âm kia. Thế nào là BỒ-tát tu tập, xa lia sự tướng của chúng sinh? Tức nơi BỒ-tát gọi là tướng, tướng ấy là phi tướng, do chúng không có thật thể. Vì nghĩa đó, nên chúng sinh tức phi chúng sinh. Do những pháp nào? Tức năm âm gọi là chúng sinh, năm âm ấy không phải là thể của chúng sinh, vì nó không thật. Như vậy là làm rõ pháp vô ngã, nhân vô ngã. Vì sao? Vì tất cả chư Phật Như Lai đều xa lia hết thấy tướng. Câu này biện minh hai tướng kia là không thật. Kệ nói:

Như Lai lia tướng ấy

Chư Phật đều không hai

Do thấy rõ pháp thật.

Đây là nói về nghĩa gì? Nếu hai thứ kia là thật có, thì chư Phật, Như Lai nên có hai tướng ấy. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai là thấy thật.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất dị ngữ. Này Tu-bồ-đề! Như Lai chứng đắc pháp Như Lai thuyết giảng pháp, không thật, không vọng ngữ”.

* Luận nêu: Ở đây có nghi, tức trong việc chứng đắc quả không đạo, làm sao BỒ-tát đối với quả có thể tạo nhân? Vì nhằm dứt bỏ nghi này, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Như Lai là chân ngữ, là thật ngữ, là như ngữ, là bất dị ngữ.

Bốn câu này nêu bày về những nghĩa gì? Kệ nói:

Quả tuy không trụ đạo

Nhưng đạo hay làm nhân

Do chư Phật thật ngữ

Trí kia có bốn thứ.

Nghĩa đó là sao? Cảnh giới ấy có 4 loại, do vậy Như Lai có 4 thứ như thật ngữ. Thế nào là 4 loại? Kệ nêu:

Thật trí cùng Tiểu thừa

Nói pháp Ma-ha-diễn

Và tất cả thọ ký

Do ngôn thuyết không hư.

Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do Như Lai là thật trí, không nói vọng, nên Bồ-đề Phật, Tiểu thừa, Đại thừa, sự việc thọ ký đều không vọng ngữ. Do bốn cảnh này, nên thứ lớp nói bốn ngữ. Như kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Như Lai là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất dị ngữ.

+ Không nói vọng về Tiểu thừa: Là nói khô để v.v... của Tiểu thừa chỉ là để.

+ Không nói vọng về Đại thừa: Là nói pháp vô ngã, chân như. Chân như tức là chân như.

+ Không nói vọng về thọ ký: Là thọ ký về tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai, theo như nghĩa, như vậy là thuyết giảng không điên đảo.

Kinh lại nói: Nay Tu-bồ-đề! Như Lai chứng đắc pháp, Như Lai thuyết giảng pháp không thật, không vọng ngữ.

Do đâu nói như thế? Kệ nêu:

Tùy thuận thật trí kia

Nói không thật không hư

Như nghe tiếng, thủ chứng

Đối trị, nói như vậy.

Nghĩa này là thế nào? Pháp do chư Phật thuyết giảng, pháp ấy không thể đạt được pháp của chính chư Phật, mà chỉ thuận theo nghĩa. Do pháp được nêu giảng không thể thủ đắc pháp đã chứng kia. Như được nghe âm thanh không như nghĩa ấy, thế nên không thật. Vì pháp được thuyết giảng này thuận theo pháp chứng đắc kia, do đây không vọng ngữ.

Nếu vậy thì vì sao nói: Như Lai chứng đắc pháp, thuyết giảng pháp? Là do dựa nơi chữ, câu mà nói. Thế vì sao Như Lai trước nói Như Lai là chân ngữ v.v..., lại nói pháp được nêu giảng là không thật, không vọng ngữ? Kệ nêu:

Như nghe tiếng, thủ chứng

Đôi trĩ, nói như vậy.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào nơi tối tăm tức không thấy gì cả. Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi sự mà hành bố thí, cũng lại như vậy. Này Tu-bồ-đề! Ví như người có mắt, đêm tối đã hết, ánh sáng mặt trời chiếu rõ, nên nhìn thấy vô số hình sắc. Nếu Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí, cũng lại như vậy”.

* Luận nêu: Lại có nghi: Nếu Thánh nhân do pháp vô vi chân như nên được gọi là Thánh nhân, thì chân như kia nơi tất cả thời, tất cả xứ đều có, vì sao tâm không trụ? Vì để đạt được Bồ-đề Phật thì không phải là không trụ. Nếu nơi tất cả thời, tất cả xứ thật có chân như, thì do đâu có người có thể đạt được, có người không đạt được?

Vì nhằm dứt trừ nghi ấy, nên nói các dụ về đi vào chỗ tối tăm v.v... Kệ viết:

Thời và xứ thật có

Nhưng chẳng được chân như

Không trí do trụ pháp

Kẻ khác, có trí được.

Nghĩa ở đây là sao?

+ Tất cả thời: Là quá khứ, hiện tại, vị lai.

+ Tất cả xứ: Là ba đời.

Chúng sinh đều thật có pháp chân như, do đâu không đạt được? Kệ nêu:

Không trí do trụ pháp.

Kẻ kia không trí, do tâm trụ nơi pháp. Đây lại là nghĩa gì? Là không thanh tịnh. Người do có trí, tâm không trụ nơi pháp, vì vậy có thể đạt được. Vì

nghĩa ấy, nên chư Phật, Như Lai được gọi là chân như thanh tịnh. Thế nên tâm trụ thì không đạt được Bồ-đề Phật.

Lại, thí dụ này nêu rõ về nghĩa nào? Kệ viết:

Tối sáng, ngu không trí

Sáng là như có trí

Đối trị, cùng đối pháp

Pháp được diệt như thế.

Nghĩa ở đây là gì? Dụ về sáng tối kia là pháp tương tự. Tối là chỉ rõ về không trí. Ánh sáng mặt trời soi tỏ là chỉ rõ về có trí. Người có mắt là làm rõ về nghĩa gì? Kệ viết:

Đối trị của đối pháp

Pháp được diệt như thế.

Thứ lớp là như thế?

Lại, người có mắt: Là như chủ thể có được pháp đối trị.

Đem tối đã hết: Là như đối tượng được đối trị là pháp tối tăm đã dứt.

Ánh sáng mặt trời chiếu tỏ: Là như pháp của chủ thể đối trị hiện tiền. Như kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào nơi tối tăm, không thấy gì cả v.v...

* Kinh viết: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có thiện nam, thiện nữ, có thể đối với pháp môn này thọ trì, đọc tụng, tu tập, thì Như Lai dùng trí tuệ của Phật, đều nhận biết người ấy, đều thấy rõ người ấy, đều hiểu thấu người ấy, đã thành tựu được vô lượng vô biên tụ công đức. Nay Tu-bồ-đề! Nếu có các thiện nam, thiện nữ, phần đầu của ngày, đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa số để bố thí. Giữa ngày, cuối ngày cũng đều hành bố thí như vậy. Như thế là trong một ngày đã xả bỏ vô lượng thân mạng, và trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, đều dùng thân như vậy để bố thí. Nếu lại có người nghe giảng nói về pháp môn này, tâm tin tưởng không hủy báng, thì phước đức có

được hơn hẳn trường hợp trước là vô lượng A-tăng-kỳ, huống chi là còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác nói rộng”.

* Luận nêu: Từ đây tiếp xuống là lại nói về nghĩa gì? Kệ viết:

Nơi pháp nào tu tập

Được những phước đức gì

Lại thành tựu nghĩa gì

Nói tu tập như thế.

+ Nơi pháp nào tu tập: Là hiển bày về hành.

Vì sao hiển bày? Kệ viết:

Danh tự ba thứ pháp

Thọ trì, nghe nói rộng

Tu từ tha cùng nội

Được nghe là tu trí.

Nghĩa này là nói về gì? Ở nơi danh tự là thành tựu được văn tuệ. Đây có 3 loại:

1. Thọ.

2. Trì.

3. Đọc tụng.

Điều ấy làm sao nhận biết? Kệ viết:

Thọ trì, nghe nói rộng.

Thọ trì, tu tập, dựa nơi pháp tổng trì. Đọc tụng, tu tập là dựa nơi văn tuệ là rộng. Đọc, tập rộng nhiều cũng gọi là văn tuệ. Đây là ba thứ tu tập trong danh tự. Như kinh nói: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có thiện nam, thiện nữ, có thể đối với pháp môn này thọ trì, đọc tụng.

Người kia tu tập, thế nào là đạt được? Kệ nêu:

Tu từ tha cùng nội

Được nghe là tu trí.

Nghĩa ấy là sao? Là tu được tướng, nơi tha cùng tự thân.

Thế nào là nơi tha cùng tự thân? Nghĩa là nghe cùng tu, thứ lớp như thế. Từ kẻ khác (tha) nghe pháp, bên trong (nội) tự tư duy, là được tu tập.

Đã nói về danh tự cùng do tu tập. Đây là tự thân. Kệ nêu:

Đây là tự thuần thực

Còn lại, hóa chúng sinh

Do sự cùng thời lớn

Trong phước, phước đức hơn.

Nghĩa này là thế nào? Danh tự kia là văn tuệ. Tu tập là tự thân thuần thực. Còn lại là hóa độ chúng sinh, rộng nói pháp. Được những phước đức gì: Là hiển bày chỗ hơn hẳn khi so sánh phước đức. Kệ nói:

Do sự cùng thời lớn

Trong phước, phước đức hơn.

Ở đây, phước đức do xả bỏ thân mạng là hơn hẳn so với phước đức cũng do xả bỏ thân mạng nêu trước. Vì sao hơn? Do sự hơn. Do thời lớn, tức thời gian của một ngày, xả bỏ thân mạng nhiều, lại nhiều thời gian. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như có thiện nam, thiện nữ, phần đầu của ngày, đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa số để bố thí, cho đến: Hoặc lại có người nghe thuyết giảng về pháp môn này, tâm tin tưởng không hủy báng, thì phước đức có được hơn hẳn trường hợp trước là vô lượng A-tăng-kỳ. Huống chi còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác nói rộng.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, kinh này có vô biên công đức không thể nghĩ bàn, không thể xưng nêu. Pháp môn này, Như Lai vì phát khởi Đại thừa nên thuyết giảng, vì phát khởi Tối thượng thừa nên thuyết giảng. Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, rộng vì người

khác nêu giảng, thì Như Lai đều nhận biết, thấy rõ người ấy, đã thành tựu vô lượng, vô biên tụ công đức không thể nghĩ bàn, không thể lường tính. Những người như vậy tức đảm nhận, thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của Như Lai. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu người ưa thích Tiểu thừa, thì đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác giải nói. Nếu người có kiến chấp về ngã, về nhân, về chúng sinh, về thọ giả, đối với pháp môn này mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác giải nói, là điều không hề có. Này Tu-bồ-đề! Tại những nơi chốn có kinh này, thì hết thấy hàng trời, người, A-tu-la ở thế gian, đều nên cúng dường, nên biết nơi chốn ấy tức là tháp miếu, đều phải cung kính đánh lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hương hoa tung rải lên chốn ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ, thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị kẻ khác khinh khi, là vì các thiện nam, thiện nữ ấy, đời trước đã tạo nghiệp tội đáng lẽ bị đọa nơi nẻo ác, nhưng đời nay nhờ thọ trì, đọc tụng kinh này nên chỉ bị người khinh khi, và nghiệp tội của đời trước tức được tiêu trừ, sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nhớ lại về thời quá khứ, vô lượng A-tăng-kỳ, A-tăng-kỳ kiếp về trước, trước thời Phật Nhiên Đăng, đã được gặp tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn vạn chư Phật, Như Lai đều thừa sự cúng dường, không hề thiếu sót. Này Tu-bồ-đề! Vô lượng chư Phật như thế, Như Lai đều thừa sự cúng dường, không hề thiếu sót. Nếu lại có người, vào đời vị lai, có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, với công đức đạt được, so với công đức cúng dường chư Phật của Như Lai có được, thì công đức của Như Lai không bằng một phần trăm, một phần ngàn, vạn, ức. Cho đến toán số, thí dụ cũng không thể nêu bày hết được số lượng công đức kia.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, nơi đời vị lai, có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, thì công đức đạt được, nếu Như Lai nói đầy đủ, thì hoặc có người nghe, tâm tức cuồng loạn, nghi hoặc không tin. Này Tu-bồ-đề! Nên biết pháp môn này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn”.

* Luận nêu: Lại tu tập thành tựu hành nghiệp nào? Nay hiển bày hành nghiệp tu tập kia. Kệ viết:

Không phải cảnh giới khác

Chỉ dựa Đại nhân nói

Cùng ít nghe, tin pháp

Đầy đủ cõi vô thượng.

Thọ trì pháp chân diệu

Tôn trọng thân được phước

Cùng xa lìa các chướng

Lại hay mau chứng pháp.

Thành vô số uy lực

Được quả báo lớn, diệu

Nghiệp thù thắng như thế

Nơi pháp tu tập biết.

Ba bài kệ này, nói về những nghĩa gì?

+ Có không thể nghĩ bàn: Là chỉ rõ về cảnh giới không thể nghĩ bàn.

+ Không thể xưng nêu: Là chỉ riêng về Đại nhân, không chung với Thanh-văn, là do trụ nơi Đại thừa bậc nhất, vì chúng sinh giảng nói. Đây là chỉ rõ nương dựa nơi bậc Đại nhân.

Lại nói Đại thừa: Là Đại thừa tối diệu, tu tập thù thắng.

Do tin nơi Tiểu thừa, tức không thể lãnh hội pháp này, chỉ rõ dù ít nghe nhưng có thể tin pháp. Như kinh viết: Nói tóm lại, kinh này có vô biên công đức không thể nghĩ bàn, không thể xưng nêu. Như Lai vì phát khởi Đại thừa nên thuyết giảng, vì phát khởi Tối thượng thừa nên thuyết giảng.

+ Ít nghe: Là văn cú không thể nghĩ bàn v.v... Được phước đức không thể nghĩ bàn v.v... là hiển bày tánh đầy đủ, do phước đức, thiện căn đầy đủ.

Đây nêu về văn cú không thể nghĩ bàn, như kinh nói: Điều thành tựu vô lượng vô biên tụ công đức không thể nghĩ bàn, không thể nêu xưng. Người như thế, tức có thể đảm nhận, thành tựu được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng của Như Lai v.v...: Là hiển bày việc thọ trì pháp chân diệu.

+ Thọ trì pháp: Tức là gánh vác lấy Đại Bồ-đề. Như kinh nói: Người như thế, tức có thể đảm nhận v.v...

Tại những nơi chốn cúng dường: Nên biết là người ấy tất định thành tựu vô lượng công đức. Như kinh nói: Ở những nơi chốn nếu có kinh này, thì tất cả hàng trời, người, A-tu-la của thế gian đều nên cúng dường v.v...

+ Thọ trì, đọc tụng kinh này, bị người khinh khi: Là chỉ rõ nên xa lìa tất cả chướng ngại.

Do đâu bị người khinh khi mà lìa các chướng: Là do có công đức lớn. Như kinh nói: Người này, nghiệp tạo tội lỗi từ đời trước liền được tiêu trừ v.v...

+ Nơi trước thời Phật Nhiên Đăng, công đức có được do cúng dường vô lượng chư Phật. Đối với đời vị lai, thọ trì, đọc tụng, tu tập pháp môn này, công đức có được nhiều hơn công đức kia: Là hiện bày mau chóng chứng đắc pháp Bồ-đề, do có nhiều phước đức trang nghiêm, nên mau chóng đầy đủ. Như kinh viết: Nếu lại có người, vào đời vị lai, có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này v.v...

+ Nên biết, pháp môn này là không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn: Đây là làm rõ về nghĩa gì? Kệ nói:

Thành vô số uy lực

Được quả báo lớn, diệu.

Đó là thân nhận Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm-thiên vương v.v..., là thành tựu uy lực.

+ Nếu nghe sự việc này, tâm bị mê loạn: Là do quả báo kia không thể nghĩ bàn, hết sức thắng diệu, chỉ rõ không phải là cảnh giới của trí suy xét lường tính. Bồ-tát trụ trong ấy để tu tập sẽ thành tựu các công đức như thế. Do vậy, Bồ-tát hành nghiệp tu tập, nên biết, như kinh nói: Phải biết pháp môn này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

* Kinh viết: “Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng? Làm thế nào để trụ? Làm thế nào để tu hành? Làm sao hàng phục tâm?”

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, nên sinh tâm như vậy: Ta nên hóa độ tất cả chúng sinh khiến họ đạt được giải thoát, đều nhập giới Niết-bàn vô dư. Hóa độ tất cả chúng sinh đều đạt giải thoát như thế rồi, nhưng không một chúng sinh nào thật sự được giải thoát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả thì không phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì thật sự không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng”.

* Luận nêu: Do đâu trước đã nói về ba thứ tu tập, nay lại nói lần nữa? Ở đây có gì hơn? Kệ viết:

Nơi nội tâm tu tập

Cho Ta là Bồ-tát

Đây tức chương nơi tâm

Trái với đạo không trụ.

Nghĩa này là thế nào? Nếu Bồ-tát đối với ba thứ tu tập của tự thân, sinh tâm như vậy: Ta trụ nơi Đại thừa của Bồ-tát. Ta tu tập như thế. Ta hàng phục tâm như vậy. Bồ-tát khởi phân biệt ấy tức chương ngại nơi hành Bồ-đề. Kệ nêu:

Nơi nội tâm tu tập

Cho ta là Bồ-tát.

Đây tức chương ngại nơi tâm. Chương ngại những gì nơi tâm? Kệ nêu:

Trái với đạo không trụ.

Như kinh viết: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gọi là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai ở tại trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng, có pháp để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật đã giảng nói, thì Như Lai ở tại trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng, không có pháp để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Đức Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp để Như Lai ở tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng đăc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu có pháp để Như Lai đăc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì Phật Nhiên Đăng tức không thọ ký cho Như Lai: Ông vào đời vị lai sẽ chứng đăc quả vị Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Do thật không có pháp nào để đăc đạo quả Chánh giác Vô thượng, thế nên Đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta, nói: Này Thiện nam! Vào đời vị lai, ông sẽ chứng quả vị Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai tức là thật chân như. Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai đăc đạo quả Chánh đăng Chánh giác Vô thượng, thì người ấy nói không thật. Vì thật không có pháp để Phật đăc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Như Lai chứng đăc đạo quả Chánh giác Vô thượng, trong ấy là không thật, không vọng ngữ. Thế nên Như Lai là nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Này Tu-bồ-đề! Gọi là tất cả pháp, tất cả pháp ấy tức phi tất cả pháp, do đây gọi là tất cả pháp”.

* Luận nêu: Ở đây có nghi vấn: Nếu không có Bồ-tát, vì sao Như Lai Thích-ca ở tại trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng, hành hạnh Bồ-tát? Nhằm đoạn nghi vấn ấy, như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai ở tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, có pháp để đăc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Không có, bạch Đức Thế Tôn! v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Kệ viết:

Do thời sau thọ ký

Nhiên Đăng hành không hơn

Bồ-đề được hành trì

Tướng hữu vi không thật.

Nghĩa ở đây là gì? Lúc ở tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, không phải là hành Bồ-tát bậc nhất. Vì sao? Vì Ta vào thời ấy, tu tập các hành, không có một pháp nào để đăc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu Ta ở nơi trụ xứ của Đức Phật kia, đã chứng đăc Bồ-đề, thì vào thời gian sau, chư Phật không thọ ký cho ta. Do vậy, Ta vào thời ấy, hành chưa thành Phật. Kệ viết:

Do thời sau thọ ký

Nhiên Đăng hành không hơn.

Nếu không có Bồ-đề, tức không có chư Phật Như Lai. Có sự hủy báng như thế, cho là hoàn toàn không có chư Phật, Như Lai.

Đề dứt bỏ nghi ấy, như kinh viết: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai tức là thật chân như.

+ Thật là nghĩa không điên đảo.

+ Chân như là bất kiến không đổi khác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Đây là chỉ rõ về nghĩa gì? Kệ viết:

Bồ-đề được hành trì.

Tức Bồ-tát kia hành trì, nếu người nói đó là có thật, thì đây tức hư vọng. Như thế, Như Lai đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, nếu có người nói đó là chứng đắc, thì đây cũng là hư vọng.

Nói: Bồ-đề được hành trì, tướng hữu vi không thật. Nếu như thế có kẻ hủy báng, cho là Như Lai không chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì để dứt trừ nghi này, như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai chứng đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, pháp ấy là không thật, không vọng ngữ.

Nghĩa này như thế nào? Do Như Lai đắc đạo quả Bồ-đề, kệ nêu:

Tướng hữu vi không thật.

+ Tướng hữu vi: Là tướng của năm âm.

Pháp Bồ-đề ấy là tướng không sắc v.v... Đây lại là thế nào? Kệ viết:

Tướng kia tức phi tướng

Do nói không hư vọng

Pháp ấy, pháp chư Phật

Tất cả tướng tự thể.

Nghĩa này là sao? Đây tức đối nơi sắc v.v... là phi tướng, đối nơi phi sắc v.v... là tướng. Đây tức tướng Bồ-đề. Vì thế, kệ nói:

Tướng kia tức phi tướng

Do nói không hư vọng.

Thế nên Như Lai nói tất cả pháp là Phật pháp v.v... Nghĩa ấy là sao? Do Như Lai chứng đắc pháp như vậy. Kệ viết:

Pháp ấy, pháp chư Phật

Tất cả tướng tự thể.

+ Tướng tự thể: Là tự thể của phi thể. Nghĩa này nêu rõ về gì? Thể của hết thấy pháp là chân như. Pháp ấy, Như Lai đã chứng đắc, do đó nói tất cả pháp là Phật pháp. Tướng của xứ sắc không trụ, nên tất cả pháp như sắc v.v... là phi pháp. Như vậy, các pháp, phi pháp tức là các pháp. Pháp do không có tướng của pháp kia, nên thường không trụ giữ tướng của pháp ấy.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân tướng diệu, đại. Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Như Lai nói thân người diệu, đại tức phi đại thân, thế nên Như Lai nói là đại thân”.

* Luận nêu: Thí dụ về đại thân là hiển bày nghĩa gì? Kệ nói:

Dựa Pháp thân Phật kia

Nên nói dụ đại thân

Thân lìa tất cả chướng

Cùng hiện khắp mọi cảnh.

Công đức cùng thể lớn

Nên tức nói đại thân

Phi thân tức là thân

Do đó nói phi thân.

Hai kệ này nêu rõ về điều gì?

Xa lìa rốt ráo hai chướng phiền não và trí, Pháp thân đầy đủ trọn vẹn. Đây lại là thể nào? Có 2 thứ nghĩa:

1. Hiện bày khắp tất cả xứ.
2. Công đức lớn.

Thể nên gọi là đại thân. Kệ viết:

Công đức cùng thể lớn.

+ Hiện bày khắp tất cả xứ: Là chân như nơi tất cả pháp không sai biệt. Kệ nêu:

Phi thân tức là thân

Do đó nói phi thân.

Như kinh viết: Thế Tôn! Như Lai nói thân người diêu đại, tức phi đại thân, do đó Như Lai nói là đại thân.

Đây là nêu bày về nghĩa gì?

+ Phi thân: Là không có các tướng. Đó gọi là phi thân.

+ Đại: Tức thể là chân như.

Như vậy, tức gọi là thân diêu đại. Như kinh nói: Đó gọi là thân diêu đại.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu nói: Ta sẽ hóa độ vô lượng chúng sinh khiến họ đạt đến giải thoát, tức chẳng phải là Bồ-tát.

Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Từng có thật pháp gọi là Bồ-tát chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Thật không có pháp gọi là Bồ-tát. Do đây Phật nói tất cả pháp là không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.

Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói: Ta làm trang nghiêm quốc độ của Phật, thì không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói làm trang nghiêm cõi Phật, thì làm trang nghiêm cõi Phật ấy tức phi trang nghiêm, đó gọi là làm trang

nghiêm quốc độ của Phật. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông tỏ về vô ngã nơi pháp vô ngã, Như Lai nói đây đích thực là Bồ-tát, Bồ-tát”.

* Luận nêu: Ở đây có nghi vấn:

Nếu không có Bồ-tát, thì chư Phật cũng không thành tựu Đại Bồ-đề, chúng sinh cũng không nhập Đại Niết-bàn, cũng không có quốc độ của Phật thanh tịnh.

Như thế là nghĩa gì? Các Đại Bồ-tát phát tâm, nhằm khiến chúng sinh nhập Niết-bàn, khởi tâm tu tập làm thanh tịnh quốc độ Phật. Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm dứt trừ nghi ấy. Thế nào là dứt trừ nghi? Kệ viết:

Không đạt chân pháp giới

Khởi tâm độ chúng sinh

Cùng làm tịnh cõi nước

Sinh tâm tức là đảo.

Nghĩa ấy như thế nào?

Nếu khởi tâm như vậy, tức là điên đảo, không phải là Bồ-tát. Khởi những tâm gì gọi là Bồ-tát? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông tỏ về vô ngã nơi pháp vô ngã, Như Lai gọi đây đích thực là Bồ-tát, Bồ-tát. Kệ nói:

Chúng sinh cùng Bồ-tát

Biết các pháp vô ngã

Phi Thánh, tự trí tin

Cùng Thánh do có trí.

Đây là nêu rõ về nghĩa gì?

+ Nhận biết vô ngã nơi pháp vô ngã: Nghĩa là chúng sinh cùng Bồ-tát. Những gì là chúng sinh? Những gì là Bồ-tát? Nơi pháp kia, như có thể do tự trí tin tưởng, hoặc trí thế gian, trí xuất thế gian, đó gọi là phàm phu, Thánh nhân, người ấy gọi là Bồ-tát. Câu ấy gồm thâu cả Bồ-tát của thế đế và Bồ-tát

của xuất thế đế. Do đó, cùng nói Bồ-tát, Bồ-tát. Như kinh viết: Như Lai nói đầy đích thực là Bồ-tát, Bồ-tát.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT
Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.
Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.

QUYỂN 3

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Thiên nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Tuệ nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Pháp nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Phật nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số lượng cát hiện có nơi sông Hằng, Phật nói là cát chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói là cát.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số lượng cát hiện có nơi một sông Hằng. Lại có số lượng sông Hằng bằng số lượng cát ấy. Lại có số lượng thế giới Phật bằng số lượng cát hiện có nơi những con sông

Hằng kia. Vậy thế giới như thế nên cho là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Thế giới ấy rất là nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Trong số lượng thế giới như vậy, với chúng sinh hiện có theo từng ấy thứ tâm trụ, Như Lai đều nhận biết. Vì sao? Vì Như Lai nói các tâm trụ đều là phi tâm trụ, đó gọi là tâm trụ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ không thể thủ đắc. Tâm hiện tại không thể thủ đắc. Tâm vị lai không thể thủ đắc.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí. Thế thì các thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên đó nên phước có được là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Người ấy, do nhân duyên đó nên được phước rất nhiều.

Đức Phật bảo: Đúng thế! Đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Các thiện nam, thiện nữ kia, do nhân duyên ấy, nên đạt được tụ phước đức rất nhiều. Này Tu-bồ-đề! Nếu tụ phước đức có thật, Như Lai tức không nói là tụ phước đức, tụ phước đức”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Trước nói Bồ-tát không thấy các chúng sinh kia là chúng sinh, không thấy mình là Bồ-tát, không thấy quốc độ của Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì do không thấy có các pháp gọi là chư Phật Như Lai. Nếu như thế, hoặc có người cho: Chư Phật, Như Lai không thấy các pháp. Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm trừ bỏ nghi vấn ấy, nên nói năm thứ mắt. Kệ viết:

Tuy không thấy các pháp

Phi không rõ cảnh, mắt

Chư Phật năm thứ thật

Do thấy kia điên đảo.

Do đâu nói chỗ thấy kia là không điên đảo? Vì đã hiển bày thí dụ đoạn trừ nghi. Vì vậy nói Như Lai nhận biết vô số tâm trụ của các chúng sinh ấy. Đây là làm rõ về nghĩa gì?

Chỗ thấy kia không điên đảo, do đã thấy rõ về điên đảo.

Thế nào là điên đảo? Kệ nêu:

Vô số thức điên đảo

Do lìa nơi niệm thật

Chẳng trụ trí thật kia

Vì thế nói điên đảo.

Nghĩa ấy là thế nào?

Vô số điên đảo: Tức vô số tâm duyên trụ, đó gọi là vô số thức. Do sáu thứ thức có sai biệt nên điên đảo. Vì sao tâm trụ ấy gọi là điên đảo? Kệ nêu:

Do lìa nơi niệm thật

Chẳng trụ trí thật kia

Vì thế nói điên đảo.

Như Lai nói các tâm trụ đều là phi tâm trụ: Câu này chỉ rõ việc xa lìa bốn niệm xứ. Đây là do nghĩa gì?

Tâm trụ là trụ nơi niệm xứ, do lìa niệm xứ ấy nên nói là chẳng trụ. Lại, trụ và bất động, về căn bản tên gọi khác, nhưng nghĩa là một. Nếu không trụ như thế, do đây nói là tâm trụ. Đây là nêu bày nhân hành của chẳng trụ nối tiếp không dứt, thế nên chẳng trụ, tức chỉ rõ điên đảo kia tương tục. Như kinh nói: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ không thể thủ đắc. Tâm hiện tại không thể thủ đắc. Tâm vị lai không thể thủ đắc. Do là quá khứ, vị lai, nên không thể thủ đắc. Tâm hiện tại luôn phân biệt hư vọng, nên không thể thủ đắc. Như thế, tức chỉ rõ tâm trụ ấy là điên đảo. Các thức hư vọng do không quán ba đời.

Do đâu dựa nơi phước đức để nói lần nữa về thí dụ? Kệ viết:

Căn bản trí tuệ Phật

Công đức không điên đảo

Là do tướng phước đức

Nên lại nói thí dụ.

Đây là nêu bày về nghĩa gì? Lại có nghi vấn: Đã nói tâm trụ diên đảo. Nếu như thế thì phước đức cũng là diên đảo. Nếu là diên đảo thì sao gọi là pháp thiện? Vì nhằm đoạn trừ nghi vấn ấy, nên hiển bày tâm trụ tuy diên đảo, nhưng phước đức thì không diên đảo. Vì sao? Kệ nói:

Căn bản trí tuệ Phật.

Vì sao hiển bày về căn bản? Như kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai tức không nói là tụ phước đức, tụ phước đức. Nghĩa này là thế nào? Tức nêu rõ tụ phước đức hữu lậu là diên đảo. Do tụ phước đức ấy là hữu lậu, vì vậy Như Lai không nói là tụ phước đức.

Lại, tụ phước đức ấy là tụ phước đức. Vì sao? Vì nếu không phải là tụ phước đức, Như Lai tức không nói là căn bản của trí tuệ. Thế nên tụ phước đức ấy là tụ phước đức.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy Phật chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng sắc thân để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức phi sắc thân đầy đủ, thế nên Như Lai nói là sắc thân đầy đủ.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không nên dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức phi đầy đủ, thế nên Như Lai nói là các tướng đầy đủ”.

* Luận nêu: Ở đây lại có nghi vấn: Nếu chư Phật do pháp vô vi v.v... được gọi tên, thì vì sao chư Phật thành tựu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, gọi là Phật? Vì đoạn trừ nghi ấy, do đó nói không phải sắc thân thành tựu, không phải là các tướng thành tựu để được thấy Như Lai. Lại, sắc thân gồm thâu được ba mươi hai tướng và tám mươi thứ vẻ đẹp, như kinh nói: Vì sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức phi sắc thân đầy đủ, thế nên Như Lai nói là sắc thân đầy đủ. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức phi đầy đủ, thế nên Như Lai nói là các tướng đầy đủ. Do đâu nói như vậy? Kệ viết:

Pháp thân, thể rốt ráo

Không phải Thân tướng hảo

Do phi tướng thành tựu

Không phải Pháp thân kia.

Chẳng lìa nơi Pháp thân

Hai thứ phi chẳng Phật

Nên lại nói thành tựu

Cũng không hai cùng có.

Hai kệ này nói về nghĩa gì? Pháp thân ấy, thể rốt ráo, không phải là do sắc thân thành tựu, cũng không phải do tướng thành tựu, tức do không phải thân kia. Không phải thân kia, là do không phải tướng của Pháp thân ấy. Hai thứ này không phải là không Phật, tức là thân Như Lai hiện có. Những gì là 2 thứ?

1. Sắc thân thành tựu.

2. Các tướng thành tựu.

Do hai pháp này không lìa nơi Pháp thân, thế nên thân Như Lai ấy đã thành tựu tướng tốt, cũng được gọi là có. Vì sao nói là có? Tức như kinh viết: Sắc thân thành tựu, các tướng thành tựu. Vì vậy, kệ nêu:

Hai thứ, phi chẳng Phật.

Do đấy, hai thứ đó cũng được nói là không, nên nói không phải thân thành tựu, không phải tướng thành tựu. Tức cũng được nói là có, nên nói sắc thân thành tựu, các tướng thành tựu. Kệ viết:

Cũng không hai cùng có.

Do đâu nói như vậy? Do trong Pháp thân ấy là không. Tức ở nơi nghĩa này mà nói sắc thân của Như Lai thành tựu, các tướng của Như Lai thành tựu, do không lìa thân kia. Nhưng Pháp thân không nói như vậy, vì Pháp thân không phải là thể của chúng.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai khởi niệm: Ta hiện có thuyết pháp chăng? Chớ nên nghĩ như thế. Vì sao? Vì nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, không thể lãnh hội những điều Như Lai đã nêu giảng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết pháp, thì thuyết pháp ấy là không pháp nào để có thể thuyết. Đó gọi là thuyết pháp”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn:

Nếu không thể dùng sắc thân thành tựu đầy đủ để thấy Như Lai, nếu không thể dùng các tướng thành tựu để thấy Như Lai, thì vì sao nói Như Lai thuyết pháp? Phần văn kinh từ đây tiếp xuống là để đoạn trừ nghi ấy. Như kinh viết: Nếu người nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, không thể lãnh hội được những điều Như Lai đã nêu giảng. Nghĩa này là thế nào? Kệ viết:

Như Phật pháp cũng thế

Chỗ nói, hai sai biệt

Không lìa nơi pháp giới

Thuyết pháp không tự tướng.

Do đâu lại nói thuyết pháp, thuyết pháp? Kệ nêu:

Chỗ nói, hai sai biệt

Thế nào là 2? Tức:

1. Pháp được thuyết giảng.

2. Nghĩa hiện có.

Do đâu nói: Không pháp để có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp.

Kệ viết:

Không lìa nơi pháp giới

Thuyết pháp không tự tướng.

Đây là nói về nghĩa gì? Pháp được thuyết giảng là nơi chân pháp giới, không thể thấy được tự tướng.

* Kinh viết: “Bấy giờ, Huệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nơi đời vị lai nghe thuyết pháp pháp này có thể sinh tâm tin tưởng chăng?”

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh ấy, là phi chúng sinh, là phi chẳng chúng sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh, chúng sinh ấy, Như Lai nói là phi chúng sinh, đó gọi là chúng sinh”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Nếu nói chư Phật thuyết giảng là không chỗ thuyết, pháp không là nơi Pháp thân, cũng là không có. Thế những người nào có thể tin pháp giới sâu xa như thế?

Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm đoạn dứt nghi ấy.

Kệ nói:

Chỗ thuyết, người thuyết, sâu

Không phải, không thể tin

Phi chúng sinh, chúng sinh

Phi Thánh, phi chẳng Thánh.

Do đâu nói: Tu-bồ-đề! Chúng sinh ấy là phi chúng sinh, là phi chẳng chúng sinh? Kệ nêu:

Phi chúng sinh, chúng sinh

Phi Thánh, phi chẳng Thánh.

Đây là nói về nghĩa gì? Nếu có người tin kinh này, thì người ấy là phi chúng sinh. Phi chúng sinh là không phải không có thể Thánh. Không phải không có thể Thánh là không phải thể phàm phu.

Phi chẳng chúng sinh: Là do có thể Thánh, nên người ấy không phải là chúng sinh của phàm phu, không phải chẳng là chúng sinh của thể Thánh. Như kinh viết: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh, chúng sinh ấy, Như Lai nói là phi chúng sinh, đó gọi là chúng sinh.

Như Lai nói phi chúng sinh: Là không phải chúng sinh của phàm phu, do đó nói chúng sinh, chúng sinh. Do chúng sinh của Thánh nhân thế nên nói phi chúng sinh.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Không có một chút pháp nào để Như Lai chứng đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng.

Đức Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Như Lai ở nơi đạo quả Chánh giác Vô thượng, cho đến không có một chút pháp để có thể chứng đắc. Đó gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng. Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Đó gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng. Do không có chúng sinh, không ngã, không nhân, không thọ giả, nên đạt được đạo quả Chánh giác Vô thượng bình đẳng. Tu tập tất cả pháp thiện, đạt được đạo quả Chánh giác Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Gọi là Pháp thân, pháp thiện ấy, Như Lai nói là phi pháp thiện, đó gọi là pháp thiện”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Nếu Như Lai không chứng đắc một pháp nào gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng, vì sao lìa nơi càng lên cao để chứng, lần lượt để đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng?

Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm dứt trừ nghi vấn ấy, hiển bày không phải chứng pháp gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng. Nghĩa ấy là thế nào? Kệ viết:

Xứ kia không chút pháp

Biết Bồ-đề Vô thượng

Pháp giới không tăng giảm

Tự tướng tịnh, bình đẳng.

Có phương tiện vô thượng

Cùng lìa nơi pháp lậu

Thế nên phi pháp tịnh

Tức là pháp thanh tịnh.

Đây là nêu rõ về nghĩa gì?

Xứ Bồ-đề ấy không có một pháp nào có thể chứng đắc, gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng. Như kinh nói: Thế Tôn! Không có một chút pháp nào để Như Lai chứng đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng. Ở đây lại có nghĩa gì? Kệ nêu:

Pháp giới không tăng giảm.

Không tăng giảm: Là pháp bình đẳng. Thế nên gọi là vô thượng, do lại còn trên vô thượng. Như kinh nói: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Đó gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng.

Lại, Pháp thân thanh tịnh của chư Phật Như Lai, là bình đẳng không sai biệt. Ở nơi xứ ấy không có gì hơn, thế nên nói là vô thượng. Như kinh viết: Do không có chúng sinh, không ngã, không nhân, không thọ giả, nên đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng bình đẳng.

Lại, pháp vô ngã ấy, tự thể là chân thật, lại không có gì hơn, nên gọi là đạo quả Chánh giác Vô thượng.

Lại, pháp ấy có phương tiện vô thượng, do đầy đủ tất cả pháp thiện, nên nói là đạo quả Chánh giác Vô thượng. Các Bồ-đề khác, pháp thiện không đầy đủ, phương tiện lại là hữu thượng. Như kinh nêu: Tu tất cả pháp thiện, đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Gọi là pháp thiện, pháp thiện ấy Như Lai nói là phi pháp thiện, đó gọi là pháp thiện. Vì sao nói như thế? Kệ nêu:

Cùng lìa nơi pháp lậu.

Thế nên lậu ấy không phải là pháp tịnh. Đây tức là pháp thanh tịnh. Như vậy là do nghĩa gì? Do pháp kia là pháp không có lậu. Gọi là phi pháp thiện, do pháp không có lậu. Thế nên gọi là pháp thiện, do quyết định là pháp thiện vô lậu.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Các núi chúa Tu-di hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới, có người đem bảy thứ báu bằng số lượng các núi chúa Tu-di ấy để hành bố thí. Lại có người đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, thì phước đức có được trong trường hợp bố thí ở trước, so với phước đức có được ở đây, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn vạn phần

không bằng một, Ca-la phần không bằng một, số phần không bằng một, Ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một. Cho đến dùng toán số, thí dụ cũng không thể nêu bày hết số lượng công đức ấy”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Nếu tu tất cả pháp thiện đầy đủ, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì pháp được thuyết giảng không thể đạt đến Đại Bồ-đề. Vì sao? Vì do pháp được thuyết giảng là pháp vô ký. Để đoạn trừ nghi ấy nên nói lại lần nữa thí dụ về phước báo thù thắng.

Đây là hiển bày về gì? Kệ viết:

Tuy nói pháp vô ký

Nhưng nêu là nhân kia

Thế nên một pháp báu

Hơn vô lượng châu báu.

Nghĩa này là sao? Tuy nói pháp được thuyết giảng là vô ký, nhưng có thể đạt được Đại Bồ-đề. Vì sao? Vì do đã xa lìa các pháp được nêu giảng không thể đạt đến Đại Bồ-đề. Do nghĩa ấy nên pháp này có thể làm nhân của Bồ-đề.

Lại, nói vô ký, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì pháp của ông là vô ký, nhưng pháp của tôi là ký. Kệ nêu:

Thế nên một pháp báu

Hơn vô lượng châu báu.

Do đó, pháp được nêu giảng này hơn hẳn số lượng châu báu nhiều như A-tăng-kỳ Tu-di kia. Như kinh nói: Nếu người đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, thì phước đức có được, so với trường hợp trước v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Kệ nêu:

Số, lực, không giống, hơn

Không giống, nhân cũng thế

Hết thầy pháp thế gian

Không thể nêu dụ được.

Những nghĩa gì được nêu ra ở đây? Là chỉ rõ phước đức này hơn phước đức trước. Thế nào là hơn?

1. Số lượng hơn.
2. Lực hơn.
3. Không tương tợ, hơn.
4. Nhân hơn.

Thế nên, kệ viết:

Hết thấy pháp thế gian

Không thể nêu dụ được.

+ Số lượng hơn: Như kinh nói: Trăm phần không bằng một, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể nêu bày hết. Do số lượng là vô hạn nên thấu gồm được các số lượng khác, nên biết.

+ Lực hơn: Như kinh viết: Không bằng một phần Ca-la.

+ Không tương tợ, hơn: Số lượng trong phước đức này không tương tợ, do phước đức ấy là không thể tính kể. Như kinh nói: Toán, số cũng không đạt tới.

+ Nhân hơn: Nhân quả không giống nhau. Do nhân quả này hơn hẳn nhân quả kia. Như kinh nói: Cho đến Ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một.

Lại, pháp này là tối thắng, không có pháp thế gian nào có thể dụ cho pháp ấy. Kệ nêu:

Hết thấy pháp thế gian

Không thể nêu dụ được.

Như vậy, trong phước đức này thì phước đức kia là nhỏ, ít. Vì thế không pháp nào có thể nêu dụ.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai đã khởi niệm: Ta hóa độ chúng sinh chăng? Này Tu-bồ-đề! Chớ nên có kiến giải như thế. Vì sao? Vì thật không có chúng sinh nào để Như Lai hóa độ.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có thật chúng sinh để Như Lai hóa độ, thì Như Lai tức có các thứ tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã, tức phi có ngã, nhưng hàng phàm phu tối tăm lại sinh khởi, cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề! Hàng phàm phu tối tăm sinh khởi, Như Lai nói là phi sinh khởi, do đó nói là hàng phàm phu tối tăm sinh khởi”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn:

Nếu pháp ấy là bình đẳng không có cao thấp, vì sao Như Lai nói là hóa độ chúng sinh? Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm đoạn dứt nghi ấy. Đoạn trừ nghi như thế nào? Kệ nêu:

Chân pháp giới bình đẳng

Phật không độ chúng sinh

Do danh cùng âm kia

Không lia nơi pháp giới.

Nghĩa này là thế nào? Chúng sinh là giả danh cùng hợp với năm âm, nên danh kia cùng âm không lia nơi pháp giới. Kệ nêu:

Không lia nơi pháp giới.

Pháp giới ấy không có sai biệt. Kệ viết:

Chân pháp giới bình đẳng.

Thế nên Như Lai không hóa độ một chúng sinh. Kệ viết:

Phật không độ chúng sinh

Như kinh nói: Vì sao? Vì thật không có chúng sinh để Như Lai hóa độ. Nếu có thật chúng sinh để Như Lai hóa độ thì Như Lai tức có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Kệ nêu:

Chấp Ta độ là lỗi

Do chấp giữ pháp kia

Chấp là độ chúng sinh

Nên biết không chấp thủ.

Nghĩa này là thế nào?

Nếu Như Lai có tâm như vậy: Trong năm ấm có chúng sinh có thể hóa độ, thì đây là lỗi lầm của chấp lấy tướng, là cho chấp trước nơi pháp kia. Kệ nêu:

Chấp Ta độ là lỗi

Do chấp giữ pháp ấy: Tức chấp giữ trong năm ấm là chúng sinh.

Chấp giữ là độ chúng sinh: Tức muốn khiến chúng sinh đạt giải thoát, có tướng như thế.

Kinh lại nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã, tức phi có ngã, nhưng hàng phạm phu tối tăm sinh khởi, cho là có ngã. Nghĩa này là sao? Kệ viết:

Nên biết không chấp thủ.

Đây là nêu về gì? Do nghĩa ấy không thật, thế nên Bồ-tát không giữ lấy. Do không giữ lấy, tức là hàng phạm phu kia nhận lấy nhưng không chấp giữ, nên nói là không chấp thủ.

Lại, như kinh nêu: Này Tu-bồ-đề! Phạm phu tối tăm sinh khởi, Như Lai nói là phi sinh khởi. Không sinh pháp Thánh nhân, nên nói là phi sinh khởi.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu về nghĩa do Như Lai đã giảng nói, thì không thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai.

Đức Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai. Nếu dùng tướng thành tựu để quán Như Lai, thì Chuyên luân Thánh vương nên là Như Lai. Do vậy, không phải dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Tuy tướng thành tựu không thể thấy được Như Lai. Là do các thứ ấy không phải là thể. Là do Như Lai lấy Pháp thân làm

thể. Nhưng Pháp thân của Như Lai là do tướng thành tựu mà thấy. Dùng trí so sánh để biết Pháp thân của Như Lai từ phước tướng thành tựu.

Từ đây tiếp xuống, phần văn kinh là nhằm dứt trừ nghi vấn đó. Dứt trừ nghi như thế nào? Kệ viết:

Không phải tướng sắc thân

So sánh biết Như Lai

Chư Phật chỉ Pháp thân

Chuyển luân vương phi Phật.

Nghĩa ở đây là thế nào?

Như có người nói: Phước đức có thể thành tựu là tướng nơi quả báo. Do thành tựu tướng ấy, tức biết diệu lực của phước đức đạt được Đại Bồ-đề. Nếu như thế thì Như Lai tức do tướng thành tựu mà chứng đắc quả Bồ-đề Vô thượng. Vì nhằm ngăn chặn kiến giải ấy, như kinh nói: Nếu dùng tướng thành tựu để quán Như Lai, thì Chuyển luân Thánh vương nên là Như Lai. Nghĩa này là thế nào? Kệ nêu:

Phi quả báo tướng tốt

Dựa phước đức thành tựu

Nhưng đắc chân Pháp thân

Phương tiện khác với tướng.

Đây là làm rõ về nghĩa gì?

Pháp thân là thân trí tướng.

Phước đức là thân dị tướng.

* Kinh viết: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy Ta

Dùng âm thanh tìm Ta

Người ấy đi đường tà

Không thể thấy Như Lai.

Thế diệu của Như Lai

Tức Pháp thân chư Phật

Thế pháp không thể thấy

Thức kia không thể biết”.

* Luận nêu: Hai kệ ấy nêu bày về nghĩa gì?

Kệ viết:

Chỉ thấy sắc nghe tiếng

Người ấy không biết Phật

Do Pháp thân chân như

Không phải cảnh giới thức.

Đây là chỉ rõ về nghĩa nào? Pháp thân của Như Lai không nên thấy nghe như thế. Không nên thấy nghe như thế: Là không nên thấy sắc, nghe tiếng như vậy.

Những người nào là không thể thấy? Nghĩa là hàng phàm phu không thể thấy. Kệ nêu:

Chỉ thấy sắc nghe tiếng

Người ấy không biết Phật.

Như kinh nói:

Người ấy đi đường tà

Không thể thấy Như Lai.

Người ấy: Là người phàm phu, không thể thấy Pháp thân chân như. Như kinh viết:

Thê diệu của Như Lai

Tức Pháp thân chư Phật

Thê pháp không thể thấy

Thức kia không thể biết.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu để chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Này Tu-bồ-đề! Chớ khởi niệm như thế, chớ cho là Như Lai đã dùng tướng thành tựu để chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Nếu Tôn giả khởi niệm: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, nói tướng đoạn diệt của các pháp! Chớ nên khởi niệm ấy. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối nơi pháp không nói tướng đoạn diệt.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ đem bảy thứ báu đầy khắp trong các thế giới nhiều như số cát sông Hằng để hành bố thí. Nếu lại có Bồ-tát nhận biết tất cả pháp vô ngã, đắc pháp Nhẫn vô sinh, thì công đức này hơn hẳn phước đức có được trong trường hợp trước. Này Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không chấp giữ nơi phước đức.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát không chấp giữ nơi phước đức?

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thọ nhận phước đức, nhưng không chấp giữ nơi phước đức, thế nên Bồ-tát nhận lấy phước đức”.

* Luận nêu: Có người khởi tâm như vậy: Nếu không dựa nơi phước đức để đạt Đại Bồ-đề, như thế thì các Bồ-tát tức mất hết phước đức cùng mất quả báo. Từ đây tiếp xuống, văn kinh nhằm dứt bỏ nghi vấn ấy. Đoạn dứt nghi như thế nào? Kệ nêu:

Không mất nhân công đức

Cùng quả báo thù thắng

Được nhẫn thắng không mất

Do được quả không cầu.

Hiện tướng phước đức hơn

Thế nên nói thí dụ

Phước đức ấy không báo

Như vậy nhận, không chấp.

Nghĩa ở đây là thế nào?

Tuy không dựa nơi phước đức để được Bồ-đề đích thực, nhưng không mất phước đức cùng quả báo ấy. Vì sao? Vì có thể thành tựu trí tuệ trang nghiêm, công đức trang nghiêm.

Do đâu đã dựa nơi phước đức kia để nói lần nữa về thí dụ? Kệ nêu:

Được nhẫn thắng không mất

Do được quả không cầu.

Nghĩa này là sao? Có người khởi tâm như vậy: Các Đại Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, do đạt được trí thế gian, nên mất phước đức ấy cùng với quả báo.

Vì nhằm ngăn chặn kiến giải này, hiển bày phước đức không mất, mà lại được công đức thù thắng thanh tịnh, thế nên không mất. Như kinh nói: Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối với pháp không nói tướng đoạn diệt.

Nếu lại có Bồ-tát nhận biết tất cả pháp vô ngã đắc pháp Nhẫn vô sinh: Có hai thứ vô ngã, tức không sinh hai thứ tướng vô ngã. Do đó thọ nhận, nhưng không chấp giữ.

Như kinh nêu: Đức Phật nói: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát thọ nhận phước đức, nhưng không chấp giữ phước đức, thế nên Bồ-tát nhận lấy phước đức.

Thế nào là Bồ-tát thọ nhận phước đức, nhưng không chấp giữ phước đức?
Kệ nêu:

Phước đức ấy không báo

Như vậy nhận, không chấp.

Nghĩa này là thế nào?

Chấp giữ: Là cho phước đức kia có được quả báo hữu lậu. Do quả báo hữu lậu nên phước đức đó có thể bị chê trách. Giữ lấy như thế gọi là chấp giữ, như chấp giữ không phải đạo. phước đức này không báo: không báo là không có quả báo hữu lậu, thế nên phước đức này thọ nhận nhưng không chấp giữ.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Như có người nói: Như Lai hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu về nghĩa do Như Lai giảng nói. Vì sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như Lai”.

* Luận nêu: Nếu các Bồ-tát không thọ nhận quả báo ấy, thì vì sao phước đức của các Bồ-tát, chúng sinh được thọ dụng? Kệ viết:

Phước đức ấy nên báo

Vì độ các chúng sinh

Tự nhiên nghiệp như thế

Chư Phật hiện mười phương.

Nghĩa này như thế nào? Tức nêu rõ hóa thân của chư Phật là có diệu dụng, còn chư Phật của Pháp thân thì không đi, không đến. Kệ nêu:

Tự nhiên nghiệp như thế

Chư Phật hiện mười phương.

Đây lại nêu về nghĩa gì? Kệ viết:

Đi, đến, hóa thân Phật

Như Lai thường bất động

Nơi xứ pháp giới ấy

Không một, cũng chẳng khác.

Đây là làm rõ nghĩa không đi, không đến. Như kinh nói: Vì sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến, không đi về đâu.

Nghĩa này là thế nào? Nếu Như Lai có đi, đến sai biệt, tức không được gọi là thường trụ như thế. Thường trụ như thế là không biến đổi, không khác.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem Tam thiên đại thiên thế giới phân chia nhỏ thành vi trần, lại đem từng ấy vi trần thế giới nghiền nát làm A-tăng-kỳ vi trần. Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần ấy nên cho là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Số lượng vi trần ấy là rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì nếu các vi trần ấy là thật có, thì Phật không nói là các vi trần. Vì sao? Vì Phật nói các vi trần tức phi các vi trần, thế nên Phật nói là các vi trần. Thế Tôn! Như Lai nói Tam thiên đại thiên thế giới tức phi thế giới, do đó Phật nói Tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới thật có, tức là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức phi một hợp tướng, do đó Như Lai nói là một hợp tướng.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Một hợp tướng tức là không thể nêu bày. Chỉ do hàng phàm phu tham chấp nơi sự. Này Tu-bồ-đề! Nếu người nói như vậy: Đức Phật đã nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Người ấy nói như thế là chánh ngữ chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không phải, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến v.v..., đó gọi là ngã kiến v.v...

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối với tất cả pháp nên nhận biết như thế, thấy rõ như thế, tin hiểu như thế, không trụ nơi tướng của pháp như thế. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Gọi là tướng của pháp, tướng của pháp ấy, Như Lai nói tức phi tướng của pháp, đó gọi là tướng của pháp. Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát, đem bảy thứ báu đầy khắp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới để hành bố thí. Hoặc có thiện nam, thiện nữ phát tâm Bồ-đề, đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì kẻ khác giảng nói, thì phước đức có được hơn hẳn trường hợp trước vô lượng A-tăng-kỳ. Vì sao vì người diễn nói, mà không gọi là nói, đó gọi là nói?”.

* Luận nêu: Thí dụ về nghiền nát thành vi trần là hiển bày nghĩa gì? Kệ viết:

Thế giới làm vi trần

Dụ này chỉ rõ nghĩa

Vi trần tán làm bột

Hiển bày phiền não tận.

Đây là làm rõ về nghĩa gì? Kệ nói:

Nơi xứ pháp giới ấy

Không một, cũng không khác.

Chư Phật, Như Lai, ở trong pháp giới chân như, không phải là trụ một xứ, cũng không phải là trụ khác xứ. Vì hiển bày nghĩa này, nên nói dụ về thế giới nghiền nát thành vi trần. Dụ ấy làm rõ nghĩa gì? Kệ viết:

Vi trần tán làm bột

Hiển bày phiền não tận.

Dụ này là phi các vi trần tụ tập, chỉ rõ không phải là một tụ. Nghĩa ấy là thế nào? Kệ viết:

Phi tụ tập nên tập

Phi chỉ là một dụ

Xứ tụ tập phi kia

Phi dụ sai biệt ấy.

Nghĩa ở đây là sao? Như vi trần tán làm bột, không phải là một xứ trụ, do không có vật tụ tập. Cũng không phải là xứ khác có sai biệt, vì tụ tập vi trần sai biệt không thể được, do không trụ sai biệt. Như vậy, chư Phật Như Lai, xa lìa phiền não chướng, trụ trong pháp giới, không phải là một xứ trụ, cũng không phải là khác xứ trụ. Như thế, Tam thiên đại thiên thế giới dụ về một hợp tướng, không phải là tụ tập. Đây là do nghĩa gì? Như kinh viết: Như Lai nói một hợp tướng, tức phi một hợp tướng, thế nên Như Lai nói là một hợp tướng.

Nếu thật có một vật tụ tập, Như Lai tức không nói vi trần tụ tập. Như vậy, nếu thật có một thế giới, Như Lai tức không nói Tam thiên đại thiên thế giới.

Như kinh nêu: Nếu thế giới thật có, tức là một hợp tướng, chỉ do người phàm phu tham chấp nơi sự.

Vì tụ tập kia không vật có thể giữ lấy, do phân biệt hư vọng nên phàm phu vọng giữ lấy. Nếu có thật, tức là chánh kiến, nên nhận biết là vọng chấp.

Do đâu phàm phu không vật mà chấp giữ vật? Như kinh viết: Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Một hợp tướng tức là không thể nêu bày. Chỉ do người phàm phu tham chấp nơi sự v.v...

Đây là làm rõ về nghĩa gì? Kệ viết:

Chỉ tùy nơi âm thanh

Phàm phu chấp điên đảo

Phi không hai đặc đạo

Xa lìa nơi ngã pháp.

Như kinh viết: Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu người nói như vậy: Đức Phật đã nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, như thế cho đến: Đó gọi là ngã kiến v.v...

Đây lại nêu về nghĩa gì? Kệ viết:

Phi không hai đặc đạo

Xa lìa nơi ngã, pháp.

Nghĩa này là thế nào? Tức không phải không ngã, không pháp, lìa hai sự ấy mà đạt được Bồ-đề. Làm thế nào đạt được Bồ-đề? Xa lìa hai kiến chấp kia, nên đạt được Bồ-đề. Kệ nêu:

Xa lìa nơi ngã, pháp.

Đây lại nêu rõ về gì? Kệ viết:

Thấy ngã tức không thấy

Thấy hư vọng không thật

Đây là chương vi tế

Thấy chân như, xa lìa.

Do đó, thấy tức là chẳng thấy, vì nghĩa ấy là không thật, do phân biệt hư vọng. Vì là vô ngã, thế nên Đức Như Lai nói ngã kiến kia tức là chẳng thấy (phi kiến), vì không thật.

Không thật tức là không vật. Vì nghĩa này nên nói ngã kiến tức là thấy hư vọng. Như vậy là chỉ rõ ngã kiến là không thấy. Kiến pháp cũng là không thấy. Như kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối với tất cả pháp nên nhận biết như thế, thấy rõ như thế, tin hiểu như thế, không trụ nơi tướng của pháp như thế.

Đây lại nêu bày về nghĩa gì? Do thấy tướng của pháp tức là không thấy tướng, như ngã kiến ấy tức là không thấy (phi kiến).

Do đâu hai kiến này gọi là không thấy (phi kiến)? Kệ nêu:

Đây là chương vi tế

Thấy chân như, xa lìa.

Đó lại nêu rõ về nghĩa nào? Kiến chấp về ngã, kiến chấp về pháp, đây là chương vi tế, vì không thấy hai thứ ấy, nên do thấy rõ pháp mà được xa lìa chương. Kệ nêu:

Thấy chân như, xa lìa.

Lại, nhận biết như thế, thấy rõ như thế, tin hiểu như thế: Đây là chỉ rõ về nghĩa gì? Kệ nêu:

Hai trí cùng Tam-muội

Như thế được xa lìa

Hóa thân hiện rõ phước

Phước vô tận phi không.

Nghĩa ấy là sao? Là chỉ rõ về thể trí, đệ nhất nghĩa trí, cùng nương dựa nơi Tam-muội nên xa lìa được chương kia. Thế nên nói lần nữa thí dụ về phước đức thù thắng. Đây là nêu bày về gì? Kệ nói:

Hóa thân hiện rõ phước

Phước vô tận phi không.

Đây lại nói về nghĩa nào? Tuy chư Phật tự nhiên tác nghiệp hóa thân, nhưng hóa thân của chư Phật thuyết giảng giáo pháp có vô lượng công đức vô lậu vô tận.

Vì sao vì người diễn nói mà không gọi là nói, đó gọi là nói? Do đâu nói như thế? Kệ viết:

Chư Phật lúc thuyết pháp

Không nói là hóa thân

Do không nói như thế

Thế nên thuyết giảng đúng.

Nghĩa này là thế nào? Nếu chư Phật của hóa thân lúc thuyết pháp, không nói Ta là hóa thân, thế nên điều thuyết giảng là đúng đắn. Nếu không nói như thế, thì chúng sinh được hóa độ không sinh tâm cung kính. Vì sao? Vì do không thể tạo lợi ích cho chúng sinh, tức sự thuyết giảng kia là nói không đúng. Do đây không nói Ta là hóa Phật.

* Kinh viết: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Hết thầy pháp hữu vi

Như sao, màng, đèn, huyền

Sương, bọt, mộng, chớp, mây

Nên quán xét như thế”.

* Luận nêu: Lại có nghi vấn: Nếu chư Phật, Như Lai thường vì chúng sinh thuyết pháp, vì sao nói Như Lai nhập Niết-bàn? Để đoạn trừ nghi ấy, thế nên Như Lai nói kệ dụ. Nghĩa ấy là thế nào? Kệ nêu:

Phi hữu vi, phi lìa

Chư Như Lai Niết-bàn

Chín thứ pháp hữu vi

Diệu trí nên chánh quán.

Chư Phật nhập Niết-bàn, không phải là pháp hữu vi, cũng không lìa pháp hữu vi. Vì sao? Vì do chư Phật đắc Niết-bàn, còn hóa thân thuyết pháp là thị hiện hành của thế gian, vì tạo lợi ích cho chúng sinh. Đây là nêu rõ chư Phật vì không trụ nơi Niết-bàn, do không trụ nơi thế gian. Vì sao chư Phật thị hiện hành thế gian mà không trụ trong pháp hữu vi? Kệ nêu:

Chín thứ pháp hữu vi

Diệu trí nên chánh quán.

Đây là nói về nghĩa gì? Tức các pháp tương đối như tinh tú v.v... chín thứ nên chánh quán. Chánh quán chín thứ ấy, nên biết là ở nơi cảnh giới của chúng. Quán về cảnh giới nào? Kệ viết:

Thấy tướng cùng nơi thức

Khí, thân, sự thọ dụng

Pháp quá khứ, hiện tại

Cũng quán đời vị lai.

Thế nào là quán 9 thứ pháp? Ví như tinh tú, bị ánh sáng mặt trời ngăn che, nên có mà không hiện. Có thể thấy tâm pháp cũng lại như vậy. Lại, như mắt có màng nhắm, tức thấy các sắc như có nhiều vòng nhỏ. Quán pháp hữu tình cũng lại như vậy, do thấy điên đảo. Lại như đèn, thức cũng như thế, nương dựa nơi pháp tham ái mà trụ. Lại như huyễn, xứ nương trụ cũng như vậy. Do khí thế gian có vô số sai biệt, không một thể thật. Lại như sương móc, thân cũng như thế, do ít thời gian trụ. Lại như bọt nước, sự thọ dụng cũng như vậy, do thọ, tướng, nhân ba pháp không định. Lại như mộng, pháp quá khứ cũng như thế, do nhớ nghĩ. Lại, như ánh chớp, pháp hiện tại cũng như vậy, do sát-na không dừng. Lại như mây, pháp vị lai cũng như thế. Do lúc đối với mầm, giống, thức A-lê-da cùng với tất cả pháp làm chủng tử căn bản.

Quán 9 thứ pháp như vậy đạt được những công đức gì, thành tựu trí gì? Kệ viết:

Quán tướng cùng thọ dụng

Quán sự nơi ba đời

Ở trong pháp hữu vi

Được tự tại vô cầu.

Nghĩa này là thế nào? Quán pháp hữu vi có 3 thứ:

1. Quán pháp hữu vi, do quán kiến cùng thức.
2. Quán thọ dụng. Do quán khí thể gian, dùng xứ nào trụ, dùng những thân nào, thọ dụng những gì.
3. Quán hành hữu vi. Do những pháp nào, nơi ba đời chuyển có sai biệt.

Quán tất cả pháp như thế, ở trong pháp thế gian được tự tại. Kệ nêu:

Ở trong pháp hữu vi

Được tự tại vô cầu.

* Kinh viết: “Đức Phật giảng nói kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Đại Bồ-tát, hết thầy hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... ở thế gian, nghe Phật thuyết giảng đều hết sức hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

Pháp Tổng trì chư Phật hy hữu

Câu nghĩa sâu không thể xưng lường

Từ chư Phật nghe cùng rộng nói

Xoay phước đức này thí quần sinh”.

HẾT - QUYỂN 3

ĐẠI TẶNG KINH TUỆ QUANG
Đại Chánh Đại Tạng Tập 25
do Cư Sĩ Nguyên Huệ hiệu đính

HẾT